

VITRANSCHART

" MỘT CHẶNG ĐƯỜNG, MỘT NIỀM TIN "

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ : 428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (028) 3940 4271

Fax : (028) 3940 4711

Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Website : www.vitranschart.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN

VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017



TẦM NHÌN, SỨ MỆNH

Tầm nhìn:

Trở thành một trong những Công ty vận tải biển hàng đầu khu vực Đông Nam Á đặc biệt trong lĩnh vực vận chuyển hàng khô rời, là đối tác tin cậy của khách hàng trên khắp thế giới qua việc cung cấp chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn với giá cạnh tranh, liên tục đổi mới và tạo ra sự khác biệt trong các sản phẩm dịch vụ.

Sứ mệnh, tôn chỉ hoạt động:

Vitranschart JSC là doanh nghiệp chuyên vận chuyển hàng hoá khắp thế giới bằng đường biển. Với mong muốn đóng góp nhiều hơn vào chuỗi logistics toàn cầu, Công ty còn tham gia hoạt động ở các lĩnh vực về dịch vụ hàng hải khác với chất lượng tốt và giá cả cạnh tranh. Chúng tôi luôn tin rằng trách nhiệm hàng đầu của mình là không chỉ đáp ứng nhu cầu mà còn đem đến sự hài lòng tuyệt đối cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ của Công ty. Vì thế chúng tôi luôn nỗ lực tái cấu trúc và hiện đại hóa, trẻ hoá đội tàu, xây dựng một hệ thống chất lượng cung cấp dịch vụ vận tải đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo quyền lợi cho các khách hàng. Công ty luôn tìm mọi cách để nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá các loại hình kinh doanh, củng cố và phát triển thị trường, v.v...

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Giá trị cốt lõi của doanh nghiệp:

- ✚ Uy tín về thương hiệu, chất lượng phục vụ và năng lực cạnh tranh;
- ✚ Luôn đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng với phương châm đôi bên cùng có lợi;
- ✚ Đội ngũ cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp;
- ✚ Tuân thủ luật pháp;
- ✚ Kinh doanh bền vững, ứng dụng công nghệ tiên tiến;
- ✚ An toàn cho con người, phương tiện và hàng hóa, bảo vệ môi trường;
- ✚ Văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, gắn bó, hợp tác, chia sẻ;
- ✚ Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, v.v...





*" Vitranschart JSC vững tin
vào một tương lai tươi sáng "*

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị!

Theo thống kê của Crucial Perspective – hãng nghiên cứu vận tải ở Singapore, năm 2017, ngành công nghiệp vận tải biển toàn cầu tăng được 8,2 tỷ USD trên thị trường chứng khoán. 61% vốn cổ phần của các công ty vận tải châu Á tăng lên, 38% thuộc về các công ty vận tải châu Âu và 1% của các hãng tàu Bắc Mỹ.

Năm 2017, Trung Quốc đã thực hiện việc cắt giảm sản xuất than địa phương khoảng 800 triệu tấn, sản lượng thép được dự báo sẽ giảm khoảng 100-150 triệu tấn khiến nhu cầu về than và thép tại quốc gia này tăng mạnh, một số quốc gia khác như Mỹ, Canada cũng gặp tình huống tương tự. Như vậy, sau 10 năm kể từ khi cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra, chỉ số BDI tuy không còn ở mức đáy như tháng 2/2016 nhưng vẫn còn khá bất ổn khi giảm một mạch từ 1.743 điểm (12/12/2017) xuống còn 1.221 điểm (16/1/2018). Nguyên nhân chính là do giá dầu tăng cao và chính sách bảo hộ ngày càng thắt chặt của các quốc gia trên thế giới.

Điều này cũng phản ánh phần nào tình trạng của ngành vận tải biển Việt Nam khi đội tàu với tải trọng nhỏ, tuổi đời ngày càng cao vẫn đang phải chật vật tìm hướng đi sau cơn bão khủng hoảng. Về phía Công ty, Vitranschart JSC cũng đang trong giai đoạn tái cơ cấu để thích nghi với tình hình hiện tại chung của ngành. Tuy nhiên, với niềm tin mạnh mẽ vào sự phát triển của ngành vận tải biển trong tương lai, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ, nhân viên, sỹ quan thuyền viên trong Công ty cam kết sẽ không ngừng nỗ lực để mang lại giá trị cao nhất cho cổ đông, khách hàng và các đối tác của Công ty.

Xin thay mặt Hội đồng Quản trị và toàn thể cán bộ, nhân viên, sỹ quan thuyền viên Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng của cổ đông, khách hàng và các đối tác đối với Ban Lãnh đạo Công ty. Xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Trân trọng kính chào!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HUYỀN NAM ANH



VITRANSCHART

" MỘT CHẶNG ĐƯỜNG, MỘT NIỀM TIN "

MỤC LỤC

I Thông tin chung

II Tình hình hoạt động trong năm

III Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

IV Đánh giá của Hội đồng quản trị

V Quản trị công ty

VI Báo cáo tài chính



THÔNG TIN CHUNG



- 🚩 **Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi**
- 🚩 **Thông điệp của chủ tịch Hội đồng quản trị**
- 🚩 **Thông tin khái quát**
- 🚩 **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- 🚩 **Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**
- 🚩 **Định hướng phát triển**
- 🚩 **Các rủi ro**

Thông tin khái quát





Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam
Tên giao dịch quốc tế	Viet Nam Sea Transport and Chartering Joint Stock Company
Giấy CNĐKKD	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17 tháng 03 năm 2017 với mã doanh nghiệp là 0300448709
Vốn điều lệ	609.993.370.000 VND
Địa chỉ	428 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.HCM
Số điện thoại	(028) 3940 4271
Số fax	(028) 3940 4711
Website	www.vitranschart.com.vn
Email	vtc-hcm@vitranschart.com.vn
Mã cổ phiếu	VST



Quá trình hình thành và phát triển

1975

Theo quyết định số 16 VP/QĐ/TC, Tổng cục Giao thông vận tải quyết định thành lập Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam.

1976

Theo quyết định số 4683/QĐ-TC của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xác định Công ty Vận tải biển Miền Nam Việt Nam (SOVOSCO) là Xí nghiệp vận tải thuộc Cục đường biển Việt Nam.

1984

Công ty Vận tải và Thuê tàu biển "Transchart" và "Công ty Vận tải biển Sovosco" được hợp nhất thành Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) trực thuộc Tổng cục Đường biển Việt Nam theo Quyết định số 706/TCCB của Bộ trưởng Giao thông vận tải.

1993

Bộ Giao thông vận tải đã ban hành việc thành lập lại DNNN Công ty Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam trực thuộc Cục Hàng Hải Việt Nam theo Quyết định số 377/QĐ-TCCB-LĐ, tên giao dịch quốc tế là Vietnam Sea transport and Chartering Company (Vitranschart JSC).





2011- Nay

Công ty tập trung mọi nguồn lực để ổn định và vượt qua những khó khăn về tài chính và những trở ngại trong kinh doanh.

2010

Công ty tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 đồng lên 589.993.370.000 đồng để phục vụ cho hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh.

2009

Ngày 20/2/2009, SGDCK TP.HCM cấp giấy chứng nhận niêm yết số 14/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty được niêm yết 40 triệu cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và mã cổ phiếu VST chính thức được giao dịch vào ngày 26/2/2009.

2007

Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập và lấy tên chính thức là Công ty Cổ phần Vận Tải và Thuê Tàu Biển Việt Nam – Tên viết tắt là Vitranschart JSC.



Ngành nghề kinh doanh



Đào tạo và cung ứng xuất khẩu thuyền viên

Tuyển dụng, đào tạo, môi giới và cung cấp thuyền viên có trình độ và kinh nghiệm cho đội tàu công ty, các chủ tàu trong nước, Nhật Bản và Đài Loan, v.v...



Vận tải biển

Là lĩnh vực kinh doanh then chốt của Công ty, chuyên về khai thác, thuê tàu với năng lực gồm đội tàu có 09 chiếc, trọng tải từ 6.500 DWT đến 24.000 DWT với tổng trọng tải xấp xỉ 180.000 DWT, chuyên chở hàng khô rời đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng quốc tế.



Địa bàn kinh doanh





Năm	Nam Mỹ - Đông Nam Á	Nam Mỹ - Tây phi	Khu vực Đông Nam Á	Đông Nam Á - Tây phi	Khác
2016	28%	14%	20%	23%	15%
2017	6%	7%	73%	6%	8%



Các khách hàng tiêu biểu





Các đối tác



Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Mô hình quản trị Công ty hiện đang áp dụng là mô hình mẹ con với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam với tỷ lệ sở hữu là 60% vốn điều lệ. Công Ty Cổ Phần Cung Ứng DVHH và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC) là Công ty liên kết với tỷ lệ sở hữu 26,46% vốn điều lệ.

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
(VINALINES)**

Công ty mẹ

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
(VITRANSCHART JSC)**





Công ty cổ phần cung ứng DVHH và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)

Vốn điều lệ: 18.540.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn: 26,46% vốn điều lệ

Trụ sở chính: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính:

- Nhập khẩu nguyên vật liệu: thạch cao, xỉ cát, v.v... phục vụ sản xuất xi măng cung cấp cho các nhà máy xi măng khu vực phía Bắc và phía Nam từ nhiều nguồn khác nhau như Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản, v.v...
- Cung cấp đá pozzolan cho các nhà máy xi măng. Vận chuyển clinker cho các nhà máy xi măng tuyến Hải Phòng - Hồ Chí Minh.
- Cung ứng các dịch vụ hàng hải phục vụ cho các đội tàu trong và ngoài nước gồm: cung ứng vật tư cho tàu.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phao bè cứu sinh, gỡ gỉ sơn và vệ sinh công nghiệp tàu.

Thông tin chung

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CUNG ỨNG DVHH VÀ XNK
PHƯƠNG ĐÔNG
(PDIMEX JSC)**

Công ty liên kết



Thông tin chung về Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (VINALINES)

Số lượng cổ phần nắm giữ: 35.400.000 cổ phần, chiếm 60% vốn điều lệ của Vitranschart.

Trụ sở chính: Tầng 17, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Phương Mai, Hà Nội

Ngành nghề hoạt động:

- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức; khai thác cảng biển, cảng sông; kinh doanh kho, bãi; dịch vụ logistics; đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động đường thủy. Sửa chữa tàu biển;
- Xuất khẩu phương tiện, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu chuyên ngành hàng hải; xuất khẩu và cung ứng lao động hàng hải cho các tổ chức trong nước; đào tạo giáo dục định hướng và nghề nghiệp cho người đi làm việc ở nước ngoài; mua bán hàng hóa phục vụ người lao động đi làm việc ở nước ngoài bằng ngoại tệ hợp pháp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê phương tiện và thiết bị vận tải, bốc xếp chuyên ngành; xây dựng, lắp đặt trang thiết bị và hoàn thiện các công trình chuyên ngành; kinh doanh kho ngoại quan, thông tin chuyên ngành; gia công chế biến hàng xuất khẩu;
- Tổ chức dịch vụ đại lý vận tải, bốc xếp hàng hóa siêu trường, siêu trọng, hàng hóa thông thường, thiết bị máy móc, container bằng các phương tiện đường thủy, đường bộ trong và ngoài nước; thay mặt chủ hàng hoàn thành thủ tục hải quan;
- Giao nhận, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu từ các cửa khẩu về kho hàng; cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt;
- Các loại hoạt động hỗ trợ vận tải: đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường không, đường ống. Phá dỡ phương tiện vận tải, bốc xếp cũ;
- Vận tải hành khách bằng ô tô; kinh doanh xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; đại lý giao nhận, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, xăng dầu chất đốt;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ; san lấp mặt bằng cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh khách sạn nhà hàng; dịch vụ du lịch, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; dịch vụ vui chơi giải trí; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); kinh doanh cửa hàng miễn thuế, mua bán rượu, thuốc lá; Kinh doanh bất động sản và hạ tầng giao thông; dịch vụ đại lý bán vé máy bay.

Hoạt động kinh doanh chính:

- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức;
- Khai thác cảng biển, cảng sông; kinh doanh kho, bãi; dịch vụ logistic;
- Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các dịch vụ hỗ trợ hoạt động thủy.





Mô hình quản trị, bộ máy quản lý





Thành tích đạt được



Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2010 (Quyết định số 1693/QĐ-TLĐ, ngày 29/12/2010).

Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng ba, Quyết định số 97/QĐ-CTN ngày 22/01/2008 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng lực lượng quân đội nhân dân, củng cố quốc phòng từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Huân chương Lao động Hạng ba, Quyết định số 1423/2007/QĐ-CTN ngày 21/11/2007 của Chủ tịch nước vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.





Thông tin chung

Quyết định số 822/QĐ-CTN ngày 30/05/2011, Chủ tịch Nước CHXHCN VN đã “Tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì” cho Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006 đến năm 2010, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.



Quyết định số 3062/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2011, Bộ trưởng Bộ GTVT đã “Tặng Cờ Thi đua xuất sắc năm 2011” của Bộ Giao thông Vận tải cho Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Ngành Giao thông vận tải năm 2011.



Định hướng phát triển

Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ **Phương án kinh doanh:** Cố gắng duy trì mảng kinh doanh chính là vận tải biển bằng cách tăng cường các nhóm giải pháp về mặt khai thác, kỹ thuật, tài chính, an toàn an ninh hàng hải, chờ thời cơ thị trường phục hồi để thuê thêm tàu khai thác nhằm tích lũy phát triển đội tàu.
 - ✓ **Kế hoạch đầu tư:** Dự kiến đến năm 2019 và 2020, khi tình hình tài chính thuận lợi sẽ đầu tư mỗi năm 1 tàu hàng khô tải trọng 34.000 DWT đã qua sử dụng với mức đầu tư dự kiến 15 triệu USD/tàu.
 - ✓ **Kế hoạch tài chính:**
 - Tăng cường tích lũy để có đủ vốn đối ứng phát triển đội tàu vào những năm cuối của kế hoạch 5 năm 2016-2020.
 - Ngoài ra, Công ty vẫn tiếp tục nỗ lực kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cho Vitranschart JSC được xóa lãi vay và khoan nợ gốc tại Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB).
 - ✓ **Phát triển nguồn nhân lực:**
 - Rà soát lao động hiện có nhằm điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo hợp lý.
 - Đánh giá đúng mức cán bộ trên cơ sở khả năng, năng lực công tác, có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ giỏi, có năng lực.
 - Phân công công việc đúng năng lực trình độ của mỗi người.
 - Định biên phù hợp với nhiệm vụ, công việc: Định biên lại theo trung bình tiên tiến, cùng với xu hướng giảm dần định biên hiện nay đối với tất cả các khối, đặc biệt là khối gián tiếp (hành chính, quản lý).
 - Trung tâm Đào tạo, môi giới và xuất khẩu thuyền viên phía Nam – SCC rà soát các thuyền viên không muốn đi tàu, ốm đau dài hạn mặc dù điều trị đã ổn định nhưng không đi tàu được, thuyền viên đang làm việc tại đơn vị khác, ý thức kỷ luật kém, trình độ chuyên môn hạn chế, v.v... Từ đó, áp dụng các biện pháp xử lý kịp thời và đưa ra chính sách phù hợp, thậm chí quyết định thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động (HĐLĐ) trong trường hợp cần thiết.
 - Nghiêm túc thực hiện đánh giá năng lực thuyền viên, phỏng vấn trước khi Công ty thuê và bố trí lên tàu.
 - Chỉ tuyển dụng những thuyền viên phù hợp với nhu cầu của Công ty.
 - Chú trọng công tác đào tạo, huấn luyện, nâng cao chất lượng tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ cũng như đạo đức nghề nghiệp cho các thuyền viên; ngoài ra cũng phát động các phong trào thi đua như Hội thi tay nghề thuyền viên Vitranschart-SCC.
- Tăng cường công tác kỷ luật lao động, thực hiện Bộ luật an toàn quốc tế, chấp hành tốt các quy định của Công ty, hăng hái thi đua, tăng năng suất lao động.



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- ✓ Vitranschart JSC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải của các đội tàu cũng như không ngừng tìm tòi thêm sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu, giảm tối đa khí thải nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Ngoài ra, định kỳ Công ty phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc.
- ✓ Thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đảm bảo đời sống, việc làm đối với cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên để người lao động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- ✓ Tiếp tục xây dựng, tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào thi đua của Công đoàn Công ty, góp phần nâng cao tinh thần gắn bó giữa cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên trong Công ty. Duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBCNV với xã hội và cộng đồng, đồng thời giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty.



Các rủi ro

Rủi ro kinh tế và chính trị

Năm 2017 là một năm đánh dấu những sự thay đổi ấn tượng mang tính lịch sử, định hình tương lai của thế giới. Thể hiện qua việc nước Anh bắt đầu tiến trình đàm phán Brexit và chính sách bảo hộ mậu dịch của Tổng thống Donald Trump đã ít nhiều ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới. Theo nhận định của các chuyên gia, các tổ chức kinh tế hàng đầu trên thế giới, cho rằng nền kinh tế toàn cầu năm 2017 có mức tăng trưởng vượt trội hơn so với các dự đoán đã được đưa ra như dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ đạt 3,7% trong năm 2018 cao hơn so với con số 3,4% của năm 2017 của Quỹ tiền tệ thế giới (IMF).

Bên cạnh đó, nền kinh tế Mỹ cũng đang phục hồi mạnh mẽ trong năm 2017: trong quý 3/2017 GDP của Mỹ tăng 3% so với cùng kỳ năm ngoái, tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức thấp nhất trong 17 năm qua (4,1% cuối tháng 10). Trong khi đó nền kinh tế Trung Quốc đã có khởi điểm khá vững chắc với tỷ lệ tăng trưởng năm 2017 (6,9%) tăng lần đầu tiên kể từ năm 2010. Tuy nền kinh tế thế giới tăng trưởng mạnh mẽ trong năm vừa qua nhưng các chính sách bảo hộ mậu dịch của Mỹ đã và đang có những tác động tiêu cực đến hoạt động chuyên chở của các công ty vận tải và cho thuê tàu nói chung và Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam nói riêng, đặc biệt là hàng khô rời.

Mặt khác, giá dầu thế giới vào tháng 12 năm 2017 đạt mức cao nhất trong 30 tháng. Giá trung bình 64 USD/thùng, mức trung bình hàng tháng cao nhất kể từ năm 2014. Trong khi đó, các phương tiện vận tải biển lại phụ thuộc rất lớn vào dầu để duy trì hoạt động, vì vậy khi giá dầu tăng cao làm tăng chi phí hoạt động của Công ty. Bên cạnh nền kinh tế thì tình hình chính trị cũng có nhiều tác động đến hoạt động vận tải của Công ty như xung đột chính trị giữa Hàn Quốc và Triều Tiên, hay việc Triều Tiên thử tên lửa hạt nhân, v.v.... Khi tình hình chính trị bất ổn thì hoạt động vận tải của Công ty cũng bị ảnh hưởng xuất phát từ việc các phương tiện vận tải không thể hoạt động hay khách hàng ngại ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa trong tình trạng chính trị bất ổn, v.v.... Để giảm thiểu những tác động tiêu cực đó, Công ty đã chủ động theo dõi và cập nhật tình hình kinh tế, chính trị trên thế giới dựa vào đó để đưa ra các chính sách phù hợp.



Rủi ro luật pháp



Là doanh nghiệp cổ phần có vốn sở hữu Nhà nước, đã đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán. Vì vậy Công ty chịu sự hướng dẫn và quản lý chặt chẽ bởi các văn bản pháp lý như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Hàng Hải và các Nghị định, thông tư liên quan. Bên cạnh đó, trong những năm gần đây, các văn bản pháp lý của nước ta có sự thay đổi và điều chỉnh thường xuyên, nên đã tác động mạnh khá nhiều đến tình hình hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty. Mặt khác, hoạt động chính của Công ty là chuyên chở hàng khô rời thông qua đường biển và giao thương với quốc tế, do đó, Công ty còn chịu ảnh hưởng của các quy tắc và thông lệ Quốc tế về hàng hải. Hiểu rõ được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của các vấn đề liên quan tính pháp lý đến hoạt động, Công ty đã chủ động thường xuyên theo dõi và cập nhật những văn bản pháp lý mới nhất nhằm có sự thay đổi về chính sách, kế hoạch hoạt động và hạn chế tổn thất do yếu tố pháp lý gây ra.



Rủi ro đặc thù

Sau sự sụp đổ của Hanjin vào tháng 8 năm 2016 đã tạo ra những thay đổi trong ngành vận tải biển tương tự như cách mà vụ phá sản của Ngân hàng đầu tư Lehman Brothers tạo ra đối với ngành tài chính trong cuộc khủng hoảng 2008. Một làn sóng sáp nhập khổng lồ đang diễn ra trong ngành vận tải biển. Các hãng tàu lớn bắt đầu thu mua lại các đối thủ của mình. Cũng từ sau vụ phá sản của Hanjin mà ngành vận tải container đường biển ngày càng chú trọng vấn đề chất lượng. Điều này đã khiến cho thị trường ngày càng nằm dưới sự thống trị của những hãng lớn sở hữu những con tàu lớn.

Tình trạng dư thừa công suất khiến ngành vận tải biển điều đứng hồi năm 2016 đến nay vẫn còn. Công suất ngành vận tải container đường biển của thế giới được dự báo tăng 3,4% trong năm 2017 và tăng 3,6% trong năm 2018 do tàu mới tiếp tục được bổ sung, trong khi nhiều tàu cũ vẫn được sử dụng.

Ngoài ra, chỉ số BDI (chỉ số thuê tàu hàng khô Baltic) vào đầu năm 2017 chỉ đạt 953 điểm nhưng đến ngày 22/12/2017 thì chỉ số BDI lại đạt 1.366 điểm. Mặc dù đạt 1366 điểm vào cuối tháng 12 năm 2017 nhưng chỉ số này đã giảm 16% so với cùng kỳ năm 2016 (từ 1.626 điểm giảm còn 1.366 điểm).

Ngành vận tải biển thế giới vẫn chìm trong khó khăn sau cuộc khủng hoảng thừa vào năm 2008. Đặc biệt nhiều hãng tàu lớn thua lỗ, phá sản hoặc phải sáp nhập để duy trì hoạt động.

Trong bối cảnh đó tại Việt Nam ngành vận tải biển đã bắt đầu tăng trưởng trở lại. Theo Phó cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, trong năm 2017 tổng sản lượng vận tải do đội tàu biển Việt Nam thực hiện ước tính đạt 130,9 triệu tấn, tăng 6% so với năm 2016. Mặc dù, đây là một dấu hiệu khả quan cho ngành Vận tải biển, tuy nhiên con số tích cực này chưa đủ sức lan tỏa tốt vì thiếu chuỗi phát triển logistic. Bên cạnh đó, doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình bốc xếp hàng lên tàu ở cảng do chất lượng cảng biển chưa cao, chi phí hoạt động trong cảng lớn, thủ tục hành chính còn rườm rà, v.v.... Thêm vào đó, quy trình vận chuyển thiếu tính kết nối giữa đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng không, v.v... nên dù có các cảng biển, các cảng cạn (IDC) là trung tâm, đầu mối phát triển logistic thì vẫn làm chi phí giá thành tăng trong năm qua.

Những điều trên đã tác động tiêu cực đến sự phát triển bền vững trong dài hạn của ngành vận tải biển Việt Nam, đồng thời, dễ gặp khó khăn khi tình hình thế giới biến động không thuận lợi. Do đó, Công ty đã chủ động theo dõi và cập nhật liên tục tình hình thị trường, đưa ra những chính sách đúng đắn và phù hợp. Đồng thời, Công ty thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nâng cao nghiệp vụ, kiến thức trong ngành cho đội ngũ cán bộ nhân viên của Công ty, v.v...





Rủi ro hàng hải thông thường

Ngành vận tải biển là ngành kinh doanh phải đối mặt với những diễn biến khó lường của thời tiết xấu như bão Harvey, bão Nate, sóng thần, v.v...., hay sự cố bất ngờ trong quá trình vận chuyển hàng hóa như nạn cướp biển, bắt cóc thuyền viên để đòi tiền chuộc ở vùng biển Philippine đang gia tăng mạnh, v.v.... Hiểu rõ những khó khăn trên, Công ty đã tích cực thực hiện các chính sách bảo hiểm phù hợp với hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo an toàn mọi mặt cho người lao động tham gia trực tiếp vào hành trình vận chuyển hàng trong năm qua.



Rủi ro khác

Các công ty vận tải biển thường có vay nợ lớn (chiếm trên 80% tổng nguồn vốn) với kết quả kinh doanh thua lỗ và tín dụng nợ như hiện nay thì một số công ty khó có thể vay vốn với giá trị cao. Bên cạnh đó, hoạt động chính của Công ty là chuyên chở hàng khô rời bằng đường biển sang các nước khác nên thu được ngoại tệ. Trong khi đó, tỷ giá hối đoái cuối năm 2017 đã giảm nhẹ từ tỷ giá 22.720 đồng/USD cuối năm 2016 giảm xuống còn 22.680 đồng/1 USD vào cuối năm 2017, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu của Công ty. Do đó, để giảm thiểu những hạn chế này Công ty đã đưa ra các biện pháp như thực hiện hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng giao sau, v.v... nhằm giúp ổn định tỷ giá trong thời hạn thực hiện hợp đồng.


Những tác động trên đã gây trở ngại lớn cho việc lập và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch thanh toán vốn ngân hàng cũng như tác động xấu đến chiến lược phát triển của doanh nghiệp hiện tại và tương lai.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017



-  **Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2017**
-  **Tổ chức và nhân sự**
-  **Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**
-  **Tình hình tài chính**
-  **Cơ cấu cổ đông**
-  **Báo cáo phát triển bền vững**

Tình hình hoạt động kinh doanh

Mặc dù, nền kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi, nhưng do những vấn đề đặc thù còn tồn đọng trong ngành vận tải biển như sự cố bất ngờ trong quá trình vận chuyển hàng trên biển (chi phí bảo hiểm tăng), giá dầu biến động, v.v... đã tác động không nhỏ đến chi phí hoạt động của Công ty. Ngoài ra, xu hướng bảo hộ mậu dịch đang xuất hiện ở nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới đã khiến lượng hàng luân chuyển đi các quốc gia ngày càng giảm sút nghiêm trọng. Thêm vào đó, tiền cước vận chuyển ít thay đổi hoặc tăng trưởng chậm không đủ bù đắp chi phí, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp cả trong và ngoài nước, v.v.... Chính những vấn đề trên là rào cản lớn về thị phần, khách hàng để ngành vận tải biển nói chung và Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam nói riêng tăng trưởng.

Trong năm 2017, bên cạnh những thách thức, khó khăn mà ngành vận tải biển nói chung gặp phải, thì tình hình hoạt động của Công ty đang dần được cải thiện.

Cụ thể, doanh thu thuần đạt 593 tỷ đồng, gần tương đương so với cùng kỳ năm trước. Nhờ vào chính sách hoạt động đúng đắn và lựa chọn thị trường phù hợp giúp hoạt động vận chuyển hàng hóa được cải thiện. Đồng thời, Công ty còn phân phối lịch trình vận chuyển hàng hợp lý nhằm giảm thiệt hại do tác động của thời tiết xấu, tình trạng cướp biển hoành hành, v.v... đã góp phần giúp Công ty tiếp tục duy trì hoạt động. Ngoài ra, kết quả năm 2017 còn giúp bù đắp phần nào phần thâm hụt lợi nhuận của những năm trước, tuy nhiên, tình trạng lỗ trong năm vẫn còn tiếp diễn. Số liệu được thể hiện cụ thể qua bảng sau:



Kết quả hoạt động SXKD	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ % 2017/2016
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	Triệu đồng	593.814	593.252	99,91%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	Triệu đồng	(159.954)	(122.562)	76,62%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(338.047)	(275.222)	81,42%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	10.355	41.772	403,40%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(327.692)	(233.450)	71,24%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	(262.645)	(233.427)	88,88%



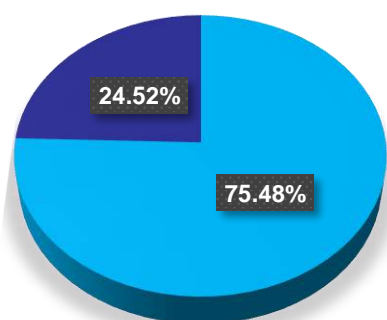


Tình hình hoạt động trong năm 2017

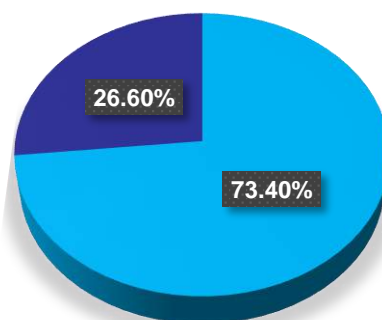
Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	KH 2017	TH 2017	TH 2017/KH 2017	TH 2017/TH 2016
Số lượng vận chuyển	Tấn	1.132,34	1.300	1.181	90,85%	104,30%
Số lượng luân chuyển	Tỷ TKm	8,75	6,8	7,5	110,29%	85,71%
I. Doanh thu các hoạt động	Tỷ VNĐ	603,20	646	602,37	93,25%	99,86%
II. Lãi (+)/Lỗ (-) trước thuế	Tỷ VNĐ	(327,69)	(324,8)	(233,45)	-	-

Qua kết quả năm 2017, Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đang có những chính sách và kế hoạch đúng đắn, phù hợp giúp phục hồi dần lại tình hình hoạt động. Điều này cho thấy sự nỗ lực hết mình của mỗi thành viên trong Công ty, nhằm tìm ra hướng đi đúng cho Công ty. Ngoài ra, chủ trương hoạt động vì lợi ích chung của Công ty, Ban lãnh đạo vẫn tiếp tục đưa ra kế hoạch nhằm duy trì sản xuất, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và không để người lao động rơi vào tình trạng khó khăn ở hiện tại và trong thời gian tới

TH 2016



TH 2017



- Kinh doanh vận tải
- Kinh doanh các dịch vụ khác



Tổ chức nhân sự



Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 07 -08 -1965

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư –
Kinh tế vận tải biển

Bà Phạm Thị Cẩm Hà

Tổng Giám đốc



Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15 – 04 -1966

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
khoa học ngành quản lý vận tải biển

Ông Huỳnh Nam Anh

Phó Tổng Giám đốc (đến cuối 09/2017)





Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06 -05 -1960

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu
biển



Ông Đặng Hiểu

Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế



Bà Mai Thị Thu Vân

Kế toán trưởng



Những thay đổi trong Ban điều hành

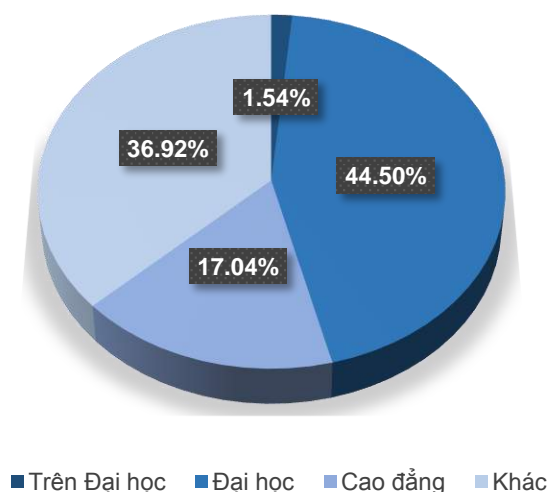
Năm qua Công ty đã có sự thay đổi trong Ban điều hành đến cuối tháng 9/2017 từ 03 thành viên giảm xuống còn 02 thành viên. Cụ thể:

🚩 Ông Huỳnh Nam Anh – Phó Tổng Giám đốc – Từ nhiệm vào ngày 22/09/2017.

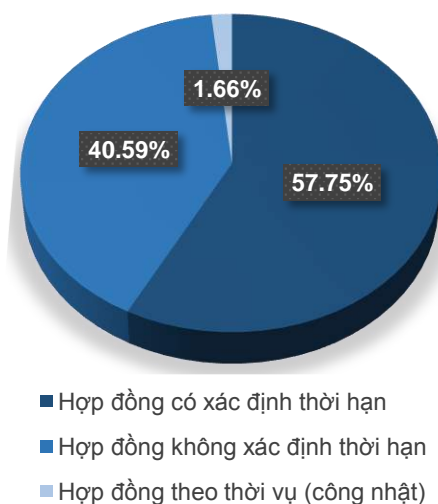
Tình hình lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	845	100,00%
1	Trên Đại học	13	1,54%
2	Đại học	376	44,50%
3	Cao đẳng	144	17,04%
4	Khác	312	36,92%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	845	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	488	57,75%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	343	40,59%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	14	1,66%

Theo trình độ



Theo tính chất hợp đồng lao động



Chính sách với người lao động

✚ Những năm qua, mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh toàn ngành gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn luôn cố gắng duy trì chính sách giải quyết việc làm cho người lao động. Điều này, thể hiện sự quan tâm sâu sắc và chăm lo cho đội ngũ cán bộ từ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên các cấp, các đơn vị của Đảng uỷ, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Công đoàn Công ty, cũng như Thủ trưởng các đơn vị của Công ty, góp phần đề cao tầm quan trọng của nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững Công ty.

✚ Năm 2017, Công ty tiếp tục đẩy mạnh nâng cao kiến thức và kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ công nhân viên thông qua các chương trình đào tạo trong ngắn hạn. Đồng thời, nhận thức được những khó khăn và trách nhiệm trong công việc, do đó Công ty đã tập trung đẩy

mạnh nguồn nhân lực có sức khỏe tốt nhằm đáp ứng chất lượng công việc của đội ngũ sỹ quan thuyền viên làm việc trên đội tàu của Công ty.

✚ Bên cạnh đó, vì đặc thù ngành khá nguy hiểm và hạn chế độ tuổi, do đó chính sách lương, thưởng, các khoản trợ cấp đều được Công ty chú trọng và có sự tăng trưởng qua từng năm. Điều này, nhằm nâng cao mối quan hệ thân thiết và sự gắn bó lâu dài với người lao động, tạo cơ hội nắm giữ nguồn lao động có kinh nghiệm làm việc lâu năm, ứng phó tốt với những tình huống khó khăn trong quá trình vận chuyển hàng hóa, kiến thức về luật, v.v.... Ngoài ra, Công ty còn cung cấp, hỗ trợ đầy đủ các loại hình bảo hiểm cần thiết cho người lao động tham gia vận chuyển hàng hóa trong năm qua, giúp đội ngũ cán bộ yên tâm làm việc.



Chính sách và điều kiện làm việc



Ban giám khảo chấm điểm các đội thi



Ban giám khảo chấm điểm các đội thi





Nhằm góp phần cải thiện tình hình hoạt động và mối quan hệ khăng khít giữa người lao động với Công ty. Ban lãnh đạo đã thực hiện chính sách chăm lo đời sống, đồng thời, chú trọng cải thiện môi trường làm việc cho đội ngũ cán bộ, lên chủ trương xuyên suốt việc cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên (CBNV, SQTV). Ngoài ra, Công ty còn đẩy mạnh nâng cao chất lượng sức khỏe người lao động, nhằm hạn chế vấn đề tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp một cách tối đa. Điều này đã góp phần giúp Công ty vượt qua thời gian khó khăn với năng suất lao động được nâng cao, tạo nền tảng cơ bản giúp công nhân viên yên tâm, gắn bó với Công ty, đặc biệt trong điều kiện kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn như hiện nay. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng tạo nên nét văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc thân thiện, chan hòa, sẻ chia, giúp nhau cùng tiến bộ.

Khối văn phòng Công ty, các Chi nhánh Công ty đảm bảo đầy đủ dụng cụ làm việc cần thiết, phù hợp cho từng chức danh; phòng làm việc đầy đủ ánh sáng, trang bị máy lạnh, thông thoáng; khuôn viên cây xanh, sạch đẹp, an toàn.

Đặc thù hoạt động của Công ty là giao thương kinh tế, văn hóa với Quốc tế, do đó Công ty bắt buộc phải tuân thủ nghiêm túc Công ước lao động hàng hải Quốc tế (MLC 2006) từ chính sách đến thực hiện, tạo môi trường và điều kiện làm việc của thuyền viên ngày càng được chuyên môn hóa, cải thiện rõ rệt.

Bảo đảm thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi theo qui định của Bộ Luật lao động, Bộ Giao thông vận tải và Nội quy lao động của Công ty đối với người lao động.

Công tác bảo hộ lao động

Công ty tích cực thực hiện và tuân thủ những quy định về bảo hộ lao động theo Luật lao động. Điều này giúp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại đơn vị, góp phần giúp hoạt động của Công ty đạt kết quả tốt, giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh vận tải biển.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Nhìn chung, tình hình hoạt động của Công ty trong năm vẫn được duy trì ổn định, trong khi hoạt động của ngành vận tải biển vẫn còn gặp nhiều thách thức và khó khăn như yếu tố thời tiết, tình trạng cướp biển, mức cung còn dư so với cầu trong ngành. Do đó, nhằm khắc phục những thực trạng chung của ngành, Công ty đã có những chính sách đúng đắn và phù hợp với tình hình thị trường nhằm giúp cải thiện tình hình hoạt động, đồng thời lợi nhuận của Công ty đã được cải thiện, cụ thể là:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ %
Tổng tài sản	Triệu đồng	1.740.122	1.478.044	84,94%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	593.814	593.252	99,91%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(338.046)	(275.222)	81,42%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	10.355	41.772	403,40%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	(327.692)	(233.450)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	(262.645)	(233.427)	-



Bảng chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,50	0,49
Hệ số thanh toán nhanh			
(TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,39	0,36
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng nguồn vốn	%	126,87%	146,08%

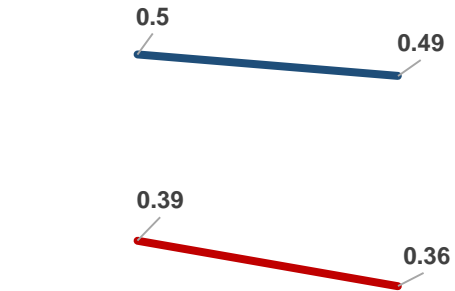
Ghi chú: Số liệu được tính toán và so sánh dựa trên BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2016 và BCTC Tổng hợp kiểm toán năm 2017



Nhóm chỉ số về khả năng thanh toán

Tại thời điểm ngày 31/12/2017, các chỉ số về khả năng thanh toán đều <1 và có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2016. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán nhanh lần lượt duy trì ở mức 0,5 và 0,49. Nguyên nhân là do nợ ngắn hạn và tổng tài sản ngắn hạn cùng giảm so với cùng kỳ năm 2016, tuy nhiên tốc độ giảm của tài sản ngắn hạn (-7,88%) nhanh hơn tốc độ giảm của nợ ngắn hạn (-5,02%). Vì trong năm Công ty tiến hành thanh lý một số tài sản và máy móc thiết bị hạn chế khả năng vận chuyển. Đồng thời, khoản mục nợ vay ngắn hạn có dấu hiệu giảm nhưng không đáng kể ở ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam và TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và một số người khoản phải trả khác do Công ty thực hiện theo phương thức thanh toán dần – chia nhỏ nhằm tạo niềm tin với nhau trong quan hệ công việc và đối tác chiến lược. Bên cạnh đó, tình hình hàng tồn kho tăng nhẹ trong năm bởi nguyên liệu, vật liệu đạt 31,49 tỷ đồng, tăng 14,81% so với cùng kỳ năm trước.

Khả năng thanh toán



Đơn vị: Lần

Năm 2016 Năm 2017

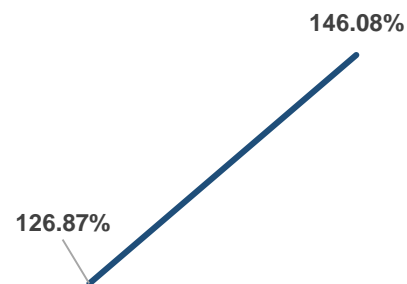
— Hệ số thanh toán ngắn hạn:

— Hệ số thanh toán nhanh

Cơ cấu nguồn vốn

Đặc trưng của ngành vận tải biển là sử dụng đòn bẩy lớn, trong đó Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam cũng không ngoại lệ. Cơ cấu nguồn vốn của Công ty chủ yếu là sử dụng nợ vay với tỷ lệ nợ trên tổng nguồn vốn là 146,08%, tăng 19,21% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do trong năm Công ty thực hiện kế hoạch giảm nợ phải trả và tổng nguồn vốn có xu hướng giảm. Tuy nhiên, do tốc độ giảm của tổng nguồn vốn nhanh hơn tốc độ giảm của nợ phải trả nên hệ số nợ trên tổng nguồn vốn tiếp tục có chiều hướng tăng hơn so với năm trước. Bên cạnh đó, khoản nợ phải trả giảm chủ yếu ở nợ vay tài chính ngắn và dài hạn, điều này tạo điều kiện giúp Công ty có thể kiểm soát và duy trì tình hình tài chính hợp lý, hiệu quả. Thông qua việc thực hiện gia hạn các khoản nợ vay đến hạn được đảm bảo bằng chính tài sản của Công ty bằng hình thức thế chấp, ngoài ra, còn mang đến lợi thế về tầm chắn thuế, giúp Công ty đảm bảo khả năng thanh toán cho hoạt động trong năm.

Cơ cấu vốn



Năm 2016

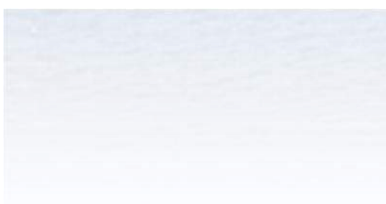
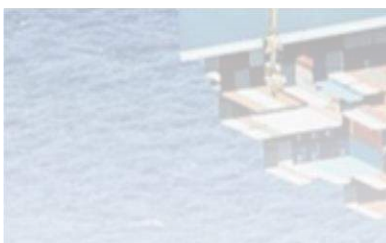
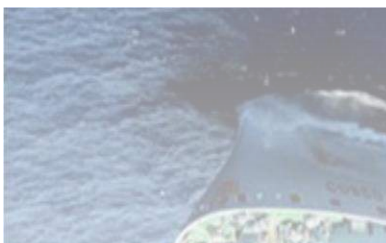
Năm 2017

— Hệ số Nợ/Tổng tài sản





Tình hình hoạt động trong năm 2017



PHÂN TÍCH SWOT

Điểm mạnh

- ✚ Thương hiệu uy tín và chất lượng trên thị trường vận tải Việt Nam và thế giới.
- ✚ Công ty luôn đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng với phương châm hai bên cùng có lợi.
- ✚ Có hệ thống tổ chức quản lý chặt chẽ (tuân thủ ISM CODE) và áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến SAP, có hệ thống kinh doanh dọc và ngang.
- ✚ Có sự liên kết mạnh mẽ giữa các bộ phận trong Công ty và đội ngũ nhân sự trên bờ và dưới tàu tạo nên sự thống nhất cao và tác phong làm việc chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm.
- ✚ Công ty rất am hiểu tập quán các cảng trên các tuyến truyền thống cũng như chính sách pháp luật chuyên ngành vận tải biển như Điều ước quốc tế, Tập quán quốc tế, v.v...
- ✚ Tình hình tài chính công khai minh bạch.



Điểm yếu

- ✚ Tình hình thị trường và kết quả SXKD những năm qua và hiện tại hết sức khó khăn do kinh doanh thua lỗ nặng nề và liên tục.
- ✚ Một số tàu đã trên 20 tuổi, tình trạng kỹ thuật không còn tốt do tuổi tàu cao nên kém khả năng cạnh tranh.
- ✚ Hiện tại, Công ty chưa thành lập được được bộ phận đánh giá rủi ro và chưa tính toán được mức biên chấp nhận rủi ro cho mình.
- ✚ Tiềm lực tài chính chưa mạnh, vốn đầu tư còn hạn chế nên Công ty chưa có điều kiện trang bị tốt cả về phương tiện, công nghệ để mở rộng cũng như duy trì vùng hoạt động.
- ✚ Công tác nghiên cứu thị trường, marketing, tìm kiếm khách hàng, còn thụ động, phụ thuộc nhiều vào các nhà môi giới. Lập kế hoạch SXKD và ngân sách cho từng bộ phận còn ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố chủ quan.



Cơ hội

- ✚ Việt Nam có nguồn nhân lực dồi dào, giá rẻ, có lợi thế về địa lý khi có bờ biển dài.
- ✚ Chính phủ có chính sách bảo hộ vận tải nội địa và nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế biển.
- ✚ Chủ trương thoái vốn sở hữu nhà nước trong các doanh nghiệp ngành hàng hải ngày càng mạnh giúp làm giảm tính trì trệ và mang lại sự năng động cùng các cơ hội phát triển mới.





Thách thức

✚ Tình trạng bảo hộ mậu dịch diễn ra ngày càng phổ biến tại nhiều quốc gia, đồng thời kinh tế toàn cầu đi xuống đã làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thương đi liền với sản lượng hàng hóa luân chuyển giảm.

✚ Tình trạng thời tiết khắc nghiệt, biến đổi thất thường, mực nước biển dâng cao cùng với bão, sóng thần liên tiếp xảy ra đã khiến hoạt động đi biển gặp nhiều khó khăn và nguy hiểm.

✚ Tỷ lệ vốn nhà nước còn cao (60%) nên Công ty vẫn bị coi như là một công ty nhà nước với rất nhiều cơ chế chính sách ràng buộc, vì vậy tính linh hoạt trong hoạt động SXKD cũng như trong việc xử lý các khó khăn, vướng mắc của công ty thấp hơn rất nhiều so với các doanh nghiệp tư nhân hoặc các doanh nghiệp vận tải biển khác có tỷ lệ phần vốn nhà nước không chi phối.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Số cổ phần đăng ký phát hành: 60.999.337 cổ phần Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

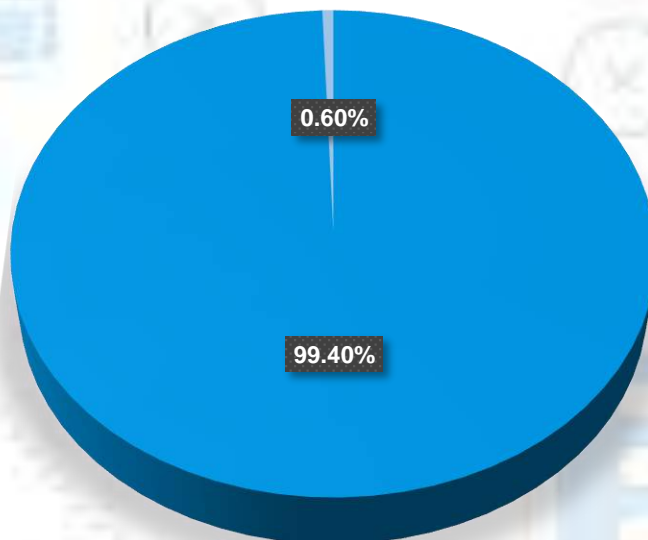
Số cổ phần đang lưu hành: 60.999.337 cổ phần

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/03/2018

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	2.981	99,40%
1	Cá nhân	2.942	98,10%
2	Tổ chức	39	1,30%
II	Cổ đông nước ngoài	18	0,60%
1	Cá nhân	15	0,50%
2	Tổ chức	3	0,10%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-
	Tổng cộng	2.999	100%

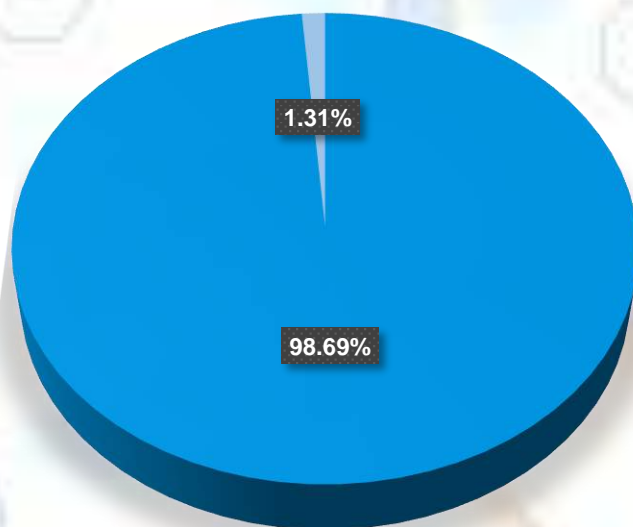


Loại cổ đông



- Cổ đông trong nước
- Cổ đông nước ngoài

Cổ đông trong nước



- Cá nhân
- Tổ chức





BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY

Các chuyên gia về môi trường cho rằng, các phương tiện tàu biển là nguồn gây ô nhiễm rất lớn đối với môi trường bởi những sự cố tại nạn vận chuyển hàng trên biển. Điều này ảnh hưởng và tạo ra những cơn mưa axit và những hạt bồ hóng nhỏ li ti trong không khí. Theo số liệu thống kê của Chính phủ Mỹ, các tàu biển là thủ phạm gây ra 2/3 lượng khí thải SO₂ trong ngành GTVT năm 2002, việc thiếu các biện pháp kiểm soát sẽ khiến tỷ lệ này có thể lên tới 98% vào năm 2020.

Ý thức được vấn đề này, trong nhiều năm qua Công ty đã tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường như sử dụng hiệu quả và hợp lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, lựa chọn thời điểm vận chuyển hàng nhằm hạn chế tai nạn xảy ra, .v.v...

Đối với công tác quản lý nguồn nguyên liệu sử dụng, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp để tiết kiệm tiêu hao nguyên vật liệu như:

- ✓ Xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý năng lượng hiệu quả: Ship Energy Efficiency Management Plan (SEEMP) theo yêu cầu của tổ chức hàng hải quốc tế (IMO) một cách có hiệu quả cho đội tàu từ ngày 01/01/2013.
- ✓ Thường xuyên theo dõi và điều hành các đội tàu sử dụng công suất phương tiện, tốc độ chạy tàu kinh tế.
- ✓ Lựa chọn điểm mua nhiên liệu có giá tốt nhất trong hành trình chạy tàu.
- ✓ Tăng cường công tác duy tu, bảo trì máy móc thiết bị.
- ✓ Ban hành và quản lý hệ thống định mức tiêu hao nhiên liệu một cách chặt chẽ.

Tổng lượng nguyên vật liệu mà Công ty sử dụng trong năm qua như sau:



Hoạt động	Loại nhiên liệu	Mục đích của giải pháp	Kết quả
Điều hành hoạt động máy chính và máy đên theo tốc độ kinh tế	FO	Tiết kiệm 3,5% tiêu hao nhiên liệu	Mức TKNL: 785,05 tấn tương ứng 3,5% <hr/> Tiết kiệm chi phí: 7.075,15 triệu đồng
Điều hành hoạt động máy chính và máy đên theo tốc độ kinh tế	DO	Tiết kiệm 4% tiêu hao nhiên liệu	Mức TKNL: 99,32 tấn tương ứng 4% <hr/> Tiết kiệm chi phí: 1.811,53 triệu đồng





Những hoạt động, đóng góp của Công ty với xã hội

🚩 Chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xử lý những chất thải của đội tàu cũng như không ngừng tìm tòi những sáng kiến, phương pháp nhằm sử dụng hiệu quả tối đa nguồn nguyên liệu, giảm tối đa khí thải nhà kính, bảo đảm môi trường biển xanh sạch theo quy định của IMO. Thực hiện nghiêm túc việc đóng góp cho quỹ Phòng chống thiên tai TP.HCM năm 2017 hơn 113 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty còn phát động các phong trào làm sạch đẹp văn phòng và đường phố nơi Văn phòng tọa lạc.

🚩 Duy trì các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn" của Công ty nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của cán bộ công nhân viên với xã hội và cộng đồng cũng như phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty. Mặc dù tình hình tài chính Công ty cực kỳ khó khăn, trong năm 2017, cũng tổ chức thăm hỏi, tặng quà Bà Mẹ Việt Nam anh hùng do Công ty phụng dưỡng tại Quảng Nam (hết quý 3/2017) và Bến Tre (29,2 triệu đồng).

🚩 Công đoàn Công ty đã phối hợp với chính quyền và Chi đoàn TNCS HCM đóng góp ủng hộ quần áo (đã qua sử dụng) cho đồng bào nghèo vùng sâu, vùng xa, miền núi. Ủng hộ đồng bào các tỉnh miền núi phía Bắc khắc phục thiệt hại do thiên tai thông qua Công đoàn Tổng Công ty Hàng hải 50 triệu đồng; Ủng hộ đồng bào các tỉnh Nam Trung bộ khắc phục thiệt hại do cơn bão số 12 (DAMREY) năm 2017 gần 77 triệu đồng. Tham gia hiến máu nhân đạo.v.v.







**BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



- ✚ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm
- ✚ Tình hình tài chính
- ✚ Kế hoạch phát triển tương lai
- ✚ Các nhóm giải pháp chủ yếu

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2017

Tình hình thị trường

Tình hình thế giới

Năm 2017, mặc dù cân bằng cung – cầu trên thị trường có cải thiện nhưng chưa đạt mức kỳ vọng do BIMCO đề ra hồi cuối năm 2016, cộng thêm các xu hướng bảo hộ mậu dịch, sáp nhập các hãng tàu lớn đang ngày càng diễn ra mạnh mẽ, đã tạo rào cản lớn cho sự phát triển của ngành vận tải biển. Chỉ số BDI và chỉ số cước các phân khúc tàu cỡ lớn theo đó đã biến động mạnh trong suốt 12 tháng qua.

Chỉ số cước liên tục giảm hồi đầu năm (chỉ số BDI giảm còn 685 điểm vào ngày 14/02/2017), rồi tăng mạnh trong giai đoạn cuối tháng 3 nhờ nhu cầu vận chuyển khoáng sản tăng đột biến từ Brazil, Úc và nhu cầu nhập khẩu than của Trung Quốc, sau đó lao dốc nhanh chóng trong tháng 5 - 6 và lại dần ổn định trong Quý III và tiếp tục được cải thiện trong Quý IV chủ yếu nhờ nhu cầu vận chuyển than và quặng sắt tăng đáng kể; Nhu cầu vận chuyển ngũ cốc tại USG, ECSA, Biển Đen... thời tiết xấu/ bão tại khu vực USG, ECSA và Trung Quốc hồi đầu Tháng 10 và Tháng 12 cũng là yếu tố quan trọng giúp thị trường cước tăng và duy trì ổn định trong Quý IV. Tuy vậy, thị trường cước cuối năm đang giảm dần do ảnh hưởng khá nhiều bởi các kỳ nghỉ lễ lớn ở Trung Quốc, Noel và Tết Tây (đặc biệt tại khu vực Đại Tây Dương). Bình quân cả năm 2017, chỉ số BDI và BHSI lần lượt ở mức 1.145 điểm và 523 điểm, tăng 70% và 45% so với năm 2016.



Tuy thị trường tàu handy cỡ nhỏ của công ty cũng hưởng lợi đôi chút từ xu hướng chung của thị trường vận tải biển (bình quân cước cho thuê định hạn tăng 14%, bình quân cước chở nông sản, đường tuyến Nam Mỹ/ Tây Phi tăng từ 14% - 19%, cước chở gạo Đông Nam Á/ Tây Phi tăng 21%, cước chở nông sản khu vực Nam Mỹ/ Đông Nam Á tăng 31%) nhưng do các tàu liên tục lên đà sửa chữa lớn (05 tàu lên đà trong 5 tháng đầu năm 2017) nên không khai thác được các thị trường trên mà chỉ chạy thị trường nội địa và khu vực Đông Nam Á (cước rất thấp) để phù hợp với lịch sửa chữa, dẫn đến gặp bất lợi về nhiều mặt, đặc biệt là giá cước, thời gian và tình hình thời tiết.

Với các bất lợi trình bày trên, trong năm qua Công ty đã nỗ lực giữ cho đội tàu hoạt động an toàn, chủ động liên lạc với đối tác trong quá trình vận chuyển hàng hóa, chú trọng công tác theo dõi thị trường, đưa ra những chính sách đúng đắn, hợp lý với tình hình thị trường trong và ngoài nước nhằm duy trì hoạt động kinh doanh cốt lõi, đảm bảo việc làm cũng như an toàn cho người lao động.



Kinh doanh vận tải biển

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	KH 2017	TH 2017	TH 2017 /KH 2017	TH 2017 /TH 2016
Số lượng vận chuyển	Tấn	1.132,34	1.300,00	1.180,85	91%	104%
Số lượng luân chuyển	Tỷ TKm	8,75	6,77	7,50	111%	86%
I. Doanh thu các hoạt động	Tỷ VNĐ	603,20	646,00	602,37	93%	100%
II. Lãi (+)/Lỗ (-)	Tỷ VNĐ	(327,69)	(324,76)	(233,45)	-	-

Tuyến kinh doanh

- ✚ Khu vực Đông Nam Á – Đông Bắc Á chiếm 73%, tăng 14% so với cùng kỳ, chủ yếu chở than và clinker.
- ✚ Từ khu vực Nam Mỹ/ Đông Nam Á chiếm 6%, giảm 6% so với cùng kỳ, chuyên chở nông sản.
- ✚ Đông Nam Á/ Tây Phi chiếm 6%, giảm 5% so với cùng kỳ, chuyên chở gạo.
- ✚ Khu vực Nam Mỹ/ Tây Phi chiếm 7%, tăng 2% so với cùng kỳ, chở đường, gạo và nông sản.

Thời gian khai thác

Cả năm 2017, thời gian vận doanh đội tàu thực hiện 95% trên tổng thời gian, giảm 3% so với năm 2016. Thời gian sửa chữa thực hiện 5% tổng thời gian, tăng 3% so với cùng kỳ. Trong đó, thực hiện sửa chữa lớn cho 5 tàu: VTC Sun, VTC Planet, VTC Phoenix; VTC Dragon; Viễn Đông 3; Sửa chữa sự cố 3 tàu: VTC Sun, VTC Phoenix, Viễn Đông 5.

Sản lượng

✚ Sản lượng vận chuyển:

Đạt 91% kế hoạch do sản lượng vận tải chuyển trong nước chỉ thực hiện 38% kế hoạch (Chủ yếu do tình hình khai thác hàng nội địa không kinh tế, giá cước thấp, thời gian chờ đợi hai đầu bến cao nên tàu VTC Glory đã thay đổi kế hoạch khai thác từ 14 chuyến chở than nội địa sang chạy 5 chuyến tuyến nước ngoài và chỉ chạy 2 chuyến nội địa).

✚ Sản lượng lưu chuyển:

Vượt kế hoạch 11%.

➔ So với cùng kỳ sản lượng vận chuyển tăng 4% và sản lượng luân chuyển giảm 14% do chạy tuyến ngắn nhiều hơn.



Doanh thu

Tổng doanh thu thực hiện 602,4 tỷ đồng, chỉ đạt 93% kế hoạch nhưng gần tương đương so với cùng kỳ 2016, trong đó:

- ✚ **Doanh thu vận tải biển** thực hiện 442,1 tỷ đồng, tương đương 87% kế hoạch, giảm 3% (13,2 tỷ đồng) so với cùng kỳ. Nguyên nhân:
 - ❖ 6 tháng đầu năm Công ty có liên tiếp 5 tàu lên đà do vậy phải điều động các tàu này về hoạt động trong khu vực hoặc nội địa để chờ lịch đà của nhà máy, giá cước thấp, thời gian quay vòng lâu, ảnh hưởng lễ tết... khiến doanh thu giảm nhiều.
 - ❖ Một số tàu theo kế hoạch là cho thuê chuyến nhưng do cân nhắc tới tính hiệu quả trong khai thác kinh doanh tàu nên tùy từng thời điểm Công ty chuyển sang hình thức cho thuê định hạn, dẫn đến doanh thu giảm nhưng bù lại thì Công ty giảm lỗ kinh doanh.
 - ❖ Bán tàu VTC Globe và giao tàu vào đầu tháng 12 cho người mua, Công ty không có thu của tàu này trong tháng 12/2017 như kế hoạch đề ra từ đầu năm.
 - ❖ Thị trường đầu năm 2017 tiêu thụ kém, nguồn hàng ít dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt giữa các chủ tàu làm cho giá cước nửa đầu năm rất thấp.
- ✚ **Doanh thu các dịch vụ kinh doanh khác** thực hiện 160,3 tỷ đồng, vượt kế hoạch gần 19% và tăng 8%, tương đương 12,3 tỷ đồng so với cùng kỳ chủ yếu từ kinh doanh cho thuê thuyền viên nước ngoài tăng.

Lãi/lỗ

Cả năm 2017 toàn công ty lỗ 233,4 tỷ đồng, giảm lỗ 91,3 tỷ đồng so với kế hoạch và giảm lỗ 94,2 tỷ đồng so với cùng kỳ 2016. Cụ thể:

- ✚ **Kinh doanh vận tải** lỗ 280,7 tỷ đồng. So với kế hoạch giảm lỗ 17,4 tỷ đồng, chủ yếu do giảm lỗ chênh lệch tỷ giá nhờ tỷ giá ổn định, theo kế hoạch lỗ chênh lệch tỷ giá là 18 tỷ đồng nhưng thực hiện lãi hơn 2 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2016, giảm lỗ 60,5 tỷ đồng do các khoản chi đều giảm, nguyên nhân chủ yếu nhờ Công ty tích cực đàm phán, cân đối lịch trả nợ với các nhà cung cấp để trước hết ưu tiên đảm bảo hoạt động an toàn cho đội tàu, không có nguy cơ rủi ro tàu bị bắt giữ bởi các nhà cung cấp, từ đó dần dần tăng cường cho thuê định hạn so với năm trước.
- ✚ **Kinh doanh dịch vụ khác** lãi 47,3 tỷ đồng. Lãi tăng 73,9 tỷ đồng so với kế hoạch và 33,7 tỷ đồng so với cùng kỳ chủ yếu từ việc bán thành công tàu VTC Globe vào cuối năm 2017, kịp thời hoàn tất xử lý khoản nợ vay mua tàu VTC Globe từ Natixis chuyển sang DATC và trả nợ DATC theo thỏa thuận.



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018

Tình hình thị trường 2018

Thị trường vận tải biển cho các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam vài năm trở lại đây, nhất là những tháng cuối năm 2017, tuy còn khá nhiều khó khăn nhưng vẫn có tiềm năng phát triển. Nguyên nhân là do nhu cầu trong nước các chủ hàng cần nhập than cho các nhà máy nhiệt điện, xuất khẩu xi măng, clinker từ Việt Nam đi các nước Philippines, Bangladesh, Ấn Độ, v.v...

Chỉ số BDI (chỉ số thuê tàu hàng khô Baltic) duy trì trong thời gian khá dài ở mức trên 1.300 điểm và lúc thị trường đóng cửa ngày 9.1.2018, chỉ số BDI là 1.385 điểm. Đây cũng là dấu hiệu cho thấy vận tải biển đã có những chuyển biến tích cực. Công ty tư vấn toàn cầu Drewry dự báo, đến năm 2020, khu vực Đông Nam Á sẽ có tốc độ tăng trưởng sản lượng hàng hóa thông qua cảng bình quân là 6,2%/năm, cao hơn mức 2-3%/năm của thế giới, trong đó Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao nhất, đạt 9,2%/năm.



Đồng thời, theo dự báo của công ty nghiên cứu vận tải Crucial Perspective, công suất trong ngành vận tải container dự kiến sẽ tăng 3,6% vào năm 2018, v.v... Những dự báo này cho thấy tín hiệu lạc quan hơn đối với các doanh nghiệp ngành cảng biển và logistics Việt Nam nói chung.





Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Tuy trong năm 2018, trọng tải bình quân của đội tàu giảm 14% so với năm 2017 (năm 2017 có 9 tàu, năm 2018 còn 8 tàu), nhưng với kỳ vọng thị trường cước được cải thiện và thời gian vận doanh tăng 5% so với năm 2017 (chỉ có 01 tàu lên đà sửa chữa định kỳ trong năm 2018) nên Công ty dự kiến kế hoạch SXKD năm 2018 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018
Sản lượng vận chuyển	Nghìn tấn	936,97
Sản lượng luân chuyển	Tỷ TKm	7,35
Doanh thu	Tỷ VND	639,86
Lãi (+)/Lỗ (-)	Tỷ VND	(302,20)

(*) Công ty phấn đấu giảm lỗ tối đa trong hoạt động SXKD năm 2018 và tìm kiếm cơ hội tái cơ cấu tài chính để bù đắp cho phần lỗ của SXKD, đưa lợi nhuận của Công ty về mức cân bằng.



Các giải pháp thực hiện

Trong điều kiện thị trường vận tải biển vẫn nhiều diễn biến khó lường, kế hoạch đặt ra như trên là thách thức đối với Công ty. Do vậy, để có thể đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra rất cần sự chung tay góp sức trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ của từng cá nhân, từng bộ phận cũng như sự tăng cường quản lý của cả bộ máy, cụ thể như sau:

Nhóm giải pháp phát triển thị trường và tăng doanh thu:

- ✚ Vừa duy trì phục vụ khách hàng cũ, vừa phát triển khách hàng mới thông qua việc đa dạng tuyến, phương thức khai thác. Tăng cường hợp tác với các đối tác tại Việt Nam thực hiện các hợp đồng cung cấp than cho nhà máy điện; clinker cho các nhà máy cement... hợp tác với các khách hàng khu vực, các doanh nghiệp trong và ngoài Tổng Công ty trong khai thác hàng tại Châu Á.

- ✚ Phân bổ thị trường hợp lý nhằm tận dụng cơ hội thị trường.

- ✚ Linh hoạt chuyển đổi tuyến khai thác, phương thức khai thác để tránh rủi ro, bảo đảm ổn định và tăng doanh thu.

- ✚ Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm tăng cơ hội hợp tác trực tiếp với khách hàng để nâng cao uy tín, tiết giảm các chi phí trung gian.

Nhóm giải pháp nhằm tiết giảm chi phí hoạt động:

Tiết giảm chi phí đặc biệt là các chi phí chiếm tỉ trọng lớn của doanh nghiệp như nhiên liệu, hàng hoá, dịch vụ:

- ✚ Tiếp tục duy trì và tăng cường hơn nữa các biện pháp về quản lý nhiên liệu đã phát huy tác dụng trong những năm qua như: Khai thác M/E ở vòng quay kinh tế, lựa chọn thời điểm, nơi cấp với số lượng hợp lý; Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc nhận và tiêu hao nhiên liệu cả đội tàu; Nhắc nhở chấn chỉnh ngay những tàu tiêu hao cao bất thường.

- ✚ Thường xuyên nhắc nhở thuyền trưởng, máy trưởng, các sỹ quan thuyền viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng phụ tùng, vật tư, nhiên liệu, dầu nhớt, nước ngọt. Tiết giảm tối đa việc cung cấp loại vật tư thông thường, không ảnh hưởng đến an toàn an ninh.

- ✚ Đảm bảo việc cung cấp nhiên liệu cho đội tàu không bị gián đoạn cho đến khi tình hình tài chính cũng như vấn đề vốn lưu động được cải thiện.

- ✚ Cung cấp đầy đủ, kịp thời các loại vật tư Solas, hải đồ, ấn phẩm hàng hải cho đội tàu Công ty để không vì thiếu mà bị PSC lưu giữ, khi đó các chi phí phát sinh vô hình, hữu hình sẽ lớn hơn nhiều.



Nhóm giải pháp tăng cường quản lý kỹ thuật cho đội tàu và áp dụng công nghệ thông tin cho công tác quản lý

- ✚ Tăng cường các biện pháp, nâng cao tính tuân thủ của thuyền viên đối với hệ thống quản lý an toàn và chất lượng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cán bộ quản lý trên bờ.

- ✚ Tăng cường công tác bảo quản bảo dưỡng của thuyền viên trong quá trình đi biển.

- ✚ Áp dụng công nghệ 4.0 vào các hoạt động tại Vitranschart:

- ❖ Ảo hóa toàn bộ hệ thống máy tính con khối văn phòng và các đơn vị trực thuộc. Các máy tính ảo này có thể được truy xuất qua mạng Internet.

- ❖ (1) Chuẩn hóa và xây dựng hệ cơ sở dữ liệu toàn Công ty; (2) Xây dựng đám mây riêng (Private Cloud) lưu trữ toàn bộ thông tin và dữ liệu. Người sử dụng trong Công ty (khối bờ và khối tàu) có thể truy xuất khối dữ liệu này mọi lúc, mọi nơi ở mức độ theo quyền hạn được phân bổ; (3) Xây dựng hệ thống quản trị Công ty thông minh (Hệ thống quản trị thông minh – Smart Management System (SMS).

- ❖ Ứng dụng mạnh mẽ thương mại điện tử vào các lãnh vực chủ chốt của Công ty.

- ❖ Chuyển sang sử dụng mã nguồn mở (Open source) trong hệ thống công nghệ thông tin tại Vitranschart để giảm chi phí bản quyền, tăng khả năng phòng chống virus, hacker.

Nhóm giải pháp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (bao gồm đội ngũ sĩ quan, thuyền viên):

- ✚ Tiếp tục rà soát lao động hiện có để điều chỉnh, phân bổ, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo hợp lý.

- ✚ Đào tạo, hướng dẫn và nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của sĩ quan, thuyền viên trong quá trình vận hành, khai thác tàu.

- ✚ Đề xuất phương tiện huấn luyện đào tạo hiệu quả sao cho phù hợp tình hình tài chính của công ty đồng thời hoàn thiện việc đánh giá chất lượng huấn luyện đào tạo.


- ✚ Xem xét chế độ lương cho các Chuyên viên đào tạo để thu hút và giữ chân các Thuyền, Máy trưởng giỏi phục vụ cho công tác đào tạo.

Nhóm giải pháp về hợp tác, liên kết để phát triển sản xuất kinh doanh với các DN trong và ngoài Tổng công ty:

- ✚ Tăng cường liên kết để sử dụng dịch vụ nội bộ, tận dụng năng lực sẵn có.

- ✚ Hợp tác tốt với các đơn vị bạn tạo sự liên kết chặt chẽ nhằm tăng nguồn lực chung, đáp ứng nhu cầu vận tải cũng như dịch vụ liên quan với khối lượng lớn đồng thời tăng tính cạnh tranh cho vận tải biển Việt Nam.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- ✚ **Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty**
- ✚ **Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty**
- ✚ **Kế hoạch và định hướng phát triển của Hội đồng quản trị**

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2017

Tình hình chung kinh tế thế giới

Năm 2017, sự phục hồi trở lại của nền kinh tế toàn cầu đã tác động tích cực tới nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần tạo điều kiện tăng cường giao thương hàng hóa. Bên cạnh đó, theo phân tích của Sea Intel, tính đến cuối năm 2017 các tàu lớn được đưa vào hoạt động trên thị trường lên đến 43%, được đánh dấu bởi sự ra mắt của con tàu Triple E khổng lồ thuộc quyền sở hữu của Maersk Line, khiến nhiều hãng tàu khác đã đẩy mạnh việc đặt hàng những con tàu khổng lồ mới. Với sự bùng nổ loại tàu này cộng thêm việc thị trường vận tải biển đã và đang phải đối mặt với thực trạng cung lớn hơn cầu, điều này vô tình giúp các chủ hàng hầu như giành được quyền quyết định giá kể từ cuộc khủng hoảng tài chính. Bên cạnh đó, biện pháp tiết kiệm chi phí từ các con tàu siêu lớn càng giúp các chủ hàng có thêm nhiều lợi ích, đẩy hết mọi áp lực tài chính lên vai các hãng vận tải biển.





Tình hình chung ngành vận tải biển Việt Nam

Ngành vận tải biển ở nước ta hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực vận chuyển quốc tế với tải trọng nhỏ, tuy nhiên với những khó khăn còn tồn đọng của ngành vận tải thế giới đã ảnh hưởng đáng kể đến mảng vận chuyển quốc tế của nước ta. Năm 2017, Việt Nam nhập khẩu một lượng than rất lớn, nhiều nhất là từ Indonesia, một số doanh nghiệp sắm khá nhiều tàu chạy cho hoạt động này, tuy nhiên do chất lượng than không đủ tiêu chuẩn nên các nhà xuất khẩu than bên Indonesia không đủ hàng để xuất khẩu, hậu quả là tàu đến cảng phải chờ rất lâu, làm tăng chi phí của các hãng tàu.

Mặt khác, trong năm 2017, tình hình hoạt động ở các nhà máy nhiệt điện bắt đầu được đẩy mạnh, tạo ra lượng hàng hóa vận chuyển khá lớn, tạo cơ hội lớn cho tuyến chạy Bắc – Nam. Đồng thời, quy mô hoạt động vận tải trong nước đang có dấu hiệu tăng lên do các tàu chạy quốc tế sau thời gian hoạt động không đáp ứng đủ tiêu chuẩn được các công ty sắp xếp vận chuyển hàng hóa trong nội địa. Chính sự gia tăng tàu hoạt động trong năm tại khu vực đã không tạo cơ hội để tăng giá cước, do đó tình hình hoạt động của ngành vẫn còn ảm đạm trong năm.



Trong khi đó, các doanh nghiệp thuần túy hoạt động vận tải biển nhất là mảng hàng rời như Vitranschart đang gặp rất nhiều khó khăn như: chất lượng và số lượng tàu ngày một giảm do tàu ngày càng già; các tàu bị khai thác nhiều năm trong điều kiện cắt giảm tối đa chi phí đầu tư cho phụ tùng, vật tư, sửa chữa; bán bớt tàu để thực hiện tái cơ cấu nợ,... Bên cạnh đó, chất lượng và số lượng của đội ngũ sỹ quan thuyền viên cũng giảm đáng kể do đặc thù của ngành khá khắc nghiệt, thu nhập không đủ hấp dẫn, bất ổn tại nhiều vùng nước/lãnh thổ làm anh em lo ngại cho sự an toàn của bản thân, các trường đại học, cao đẳng và trường nghề hàng hải không tuyển được học viên cho đầu vào cho các ngành học dẫn đến không đủ cung ứng cho đầu ra,...



Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Tình hình hoạt động kinh doanh năm qua của Công ty vẫn đang có nhiều cải thiện trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi từ những nước phát triển đến những nước đang phát triển, trong đó phải kể đến hoạt động vận tải biển nói chung và vận chuyển hàng khô rời nói riêng.

Năm 2017, một số tàu của Công ty với máy móc thiết bị trong tình trạng kỹ thuật không còn tốt do tuổi tàu cao. Bên cạnh đó, các tàu của Công ty với cỡ tàu 22.500 - 24.000 DWT hiện tại chỉ phù hợp với hàng bao kiện, hàng nội địa và một số lô hàng rời nhỏ, đồng thời cước rất thấp và thời gian chờ đợi đầu bến thường kéo dài. Do đó, kết quả kinh doanh vẫn cho có cải thiện mạnh mẽ tiếp tục ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2017. Do tỷ lệ vay nợ lớn đã dẫn tới chi phí lãi vay gia tăng mạnh nhưng khả năng thanh toán của Công ty còn hạn chế dẫn tới các ngân hàng ngày càng siết chặt đã gây nên tình trạng khó khăn cho Công ty trong việc xoay vòng vốn lưu động. Để giảm bớt gánh nặng nợ vay, trong năm Công ty đã thực hiện công tác gia hạn nợ và thế chấp

tàu VTC tới năm 2020 cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải, đồng kéo dài thời gian thế chấp của 2 tàu VTC Sun và VTC Planet tới năm 2021 ở Ngân hàng TMCP Á Châu,... điều này đã làm giảm năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhìn chung, trong năm Công ty tiếp tục trải qua những khó khăn trong ngành vận tải hàng khô, xuất phát từ năng lực hoạt động của Công ty còn hạn chế cùng với đó là thách thức của thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh sức ép từ việc thanh toán nợ và tìm kiếm nguồn vốn để tái đầu tư, việc duy trì hoạt động chính của Công ty với phương châm không để người lao động nghỉ việc vì không có việc làm đã đặt ra không ít vấn đề cần tập trung nghiên cứu thêm cho Công ty. Thêm vào đó, một phần nhỏ đội ngũ cán bộ nhân viên chưa chịu khó trau dồi kỹ năng, kiến thức thực tế và diễn biến thị trường của một số bộ phận vẫn còn diễn ra, điều này đã gây khó khăn không nhỏ trong việc đưa ra các giải pháp phù hợp với thực tế thị trường đang diễn ra. Cụ thể số liệu được trình bày trong bảng dưới đây:





Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017

Kết quả hoạt động SXKD	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	Triệu đồng	593.814	593.252
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	Triệu đồng	(159.954)	(122.562)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	(338.047)	(275.222)
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	10.355	41.772
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Triệu đồng	(327.692)	(233.450)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Triệu đồng	(262.645)	(233.427)
<i>Ghi chú: Số liệu được tính toán và so sánh dựa trên BCTC Tổng hợp kiểm toán năm 2016 và BCTC Tổng hợp kiểm toán năm 2017</i>			

Tình hình thực hiện kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	% so với KH
Sản lượng vận chuyển	Tấn	1.300,00	1.180,85	91%
Sản lượng lưu chuyển	Tỷ TKm	6,77	7,50	111%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ VNĐ	646,00	602,37	93%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	(324,76)	(233,45)	-



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD

Năm 2017, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam đã rất nỗ lực trong công tác điều hành mọi hoạt động của Công ty đi đúng định hướng mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra đầu năm, tuân thủ nghiêm túc Quy chế quản trị nội bộ cũng như Điều lệ của Công ty. Vì vậy, với tất cả sự nỗ lực, quyết tâm cũng như kinh nghiệm trong công tác điều hành, năm qua Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện thành công nhiệm vụ duy trì ổn định hoạt động kinh doanh chính của Công ty, thực hiện đúng tôn chỉ hoạt động trong Công ty là không để người lao động nghỉ việc vì không có việc làm, nắm bắt kịp thời, theo dõi, phân tích và đưa ra các chính sách đúng đắn, kế hoạch phù hợp trong từng giai đoạn nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông.



KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Các mục tiêu chủ yếu

- ✓ Giảm lỗ tối đa nhằm tiến tới cân bằng thu chi trong tương lai sớm nhất (dự kiến năm 2023);
- ✓ Công ty có uy tín về chất lượng dịch vụ vận tải biển mang tầm khu vực, bao gồm an toàn trong mọi lĩnh vực hoạt động và đúng hạn với khách hàng.

Biện pháp thực hiện

- ✓ Nghiên cứu, phân tích diễn biến thị trường nhằm đề ra chiến lược và hoạt động cụ thể để đưa Công ty vượt qua giai đoạn khủng hoảng; đồng thời xem xét lại hiệu quả kinh doanh từng lĩnh vực hoạt động của Công ty nhằm loại bỏ lĩnh vực yếu kém, không mang lại hiệu quả kinh tế; nghiên cứu khai thác hình thức kinh doanh mới, tuyến mới và khách hàng mới nhằm tăng hiệu quả kinh doanh; đàm phán để có sự hỗ trợ về thanh khoản của Ngân hàng và nhà cung cấp hợp lý.
- ✓ Đánh giá hiệu quả đội tàu và đưa ra phương án thanh lý tàu không mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty; Tinh gọn bộ máy quản lý, hoàn thiện các qui trình quản lý nhằm quyết tâm bài trừ nạn quan liêu, lãng phí và

phòng ngừa các khả năng tham nhũng (kể cả tham nhũng thời gian) hướng tới xây dựng hệ thống quản trị Công ty minh bạch, trong sạch, vững mạnh, hiệu quả và ổn định; Tăng cường công tác đào tạo cán bộ công nhân viên, đặc biệt chú trọng hoạt động trang bị kiến thức thực tế, cập nhật tình hình đang diễn ra trên thế giới, kỹ năng mềm, v.v... nhằm tạo điều kiện phát triển cho các thuyền viên không chỉ về kiến thức chuyên môn mà còn nâng cao kỹ năng giải quyết tình huống thực tế.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ **Kế hoạch đầu tư:** Dự kiến đến năm 2019 và 2020, khi tình hình tài chính thuận lợi sẽ đầu tư mỗi năm 1 tàu hàng khô tải trọng 34.000 DWT đã qua sử dụng với mức đầu tư dự kiến 15 triệu USD/tàu;
- ✓ **Kế hoạch tài chính:** Tăng cường tích lũy để có đủ vốn đối ứng phát triển đội tàu vào những năm cuối của kế hoạch 5 năm 2016-2020;





QUẢN TRỊ CÔNG TY



- 🚩 **Hội đồng quản trị**
- 🚩 **Ban kiểm soát**
- 🚩 **Các khoản thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch
2	Trương Đình Sơn	Phó Chủ tịch
3	Bùi Mạnh Cường	Thành viên
4	Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên
5	Nguyễn Minh Cường	Thành viên

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch	4	100%
2	Trương Đình Sơn	Phó Chủ tịch	4	100%
3	Bùi Mạnh Cường	Thành viên	4	100%
4	Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên	4	100%
5	Nguyễn Minh Cường	Thành viên	4	100%



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động của BTGD và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với BKS Công ty kiểm tra các vấn đề:

- ✓ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ và HĐQT đề ra.
- ✓ Các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT và các quyết định HĐQT đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện.
- ✓ HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời BTGD đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- ✓ Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

STT	Số Nghị quyết	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1		01/QĐ-HĐQT	06/01/2017	QĐ tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" năm 2016
2		02/QĐ-HĐQT	16/01/2017	Nâng bậc lương Chuyên viên chính năm 2017
3		03/QĐ-HĐQT	24/02/2017	Thành lập Ban Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2017
4		04/QĐ-HĐQT	03/03/2017	QĐ cử cán bộ công ty đi công tác nước ngoài (Cử Bà Phạm Thị Cẩm Hà đi Nhật Bản)
5	05/NQ-HĐQT		22/05/2017	NQ Phiên họp HĐQT ngày 18 tháng 5 năm 2017
6		06/QĐ-HĐQT	02/06/2017	Nghị quyết bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2013 - 2017
7		07/ QĐ - HĐQT	26/06/2017	QĐ chuyển xếp lương cán bộ đối với ông Huỳnh Nam Anh
8		08/QĐ - HĐQT	07/07/2017	QĐ thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tàu Viễn Đông 5 của Công ty
9	09/NQ-HĐQT		28/07/2017	Quý tiền lương kế hoạch của Công ty năm 2017
10	10/NQ - HĐQT		03/08/2017	NQ Phiên họp HĐQT ngày 28 tháng 7 năm 2017



Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

STT	Số Nghị quyết	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
11	11/NQ - HĐQT		03/08/2017	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi công nợ
12		12/QĐ - HĐQT	15/08/2017	QĐ thành lập Hội đồng thanh lý, nhượng bán tàu VTC Globe của Công ty
13		13/QĐ - HĐQT	11/09/2017	QĐ thành lập Ban chỉ đạo chấm dứt hoạt động Chi nhánh Trung tâm Đào tạo, môi giới và xuất khẩu thuyền viên phía Nam thành lập Công ty TNHH Một thành viên
14		14/QĐ - HĐQT	22/09/2017	QĐ miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc công ty đối với ông Huỳnh Nam Anh
15		15/QĐ - HĐQT	06/10/2017	QĐ phê duyệt dự án bán tàu VTC Globe
16	17/NQ - HĐQT		23/10/2017	NQ Phiên họp HĐQT ngày 23 tháng 10 năm 2017
17	17/NQ - HĐQT		08/11/2017	QĐ về việc phê duyệt bán tàu VTC Globe
18	18/NQ - HĐQT		14/12/2017	Tăng vốn điều lệ 20 tỷ đồng thông qua việc phát hành 2 triệu cổ phiếu VST
19		19/QĐ - HĐQT	29/12/2017	QĐ bổ nhiệm cán bộ



Ban kiểm soát

Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban
2	Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên
3	Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

- ✓ Ban kiểm soát có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban điều hành nhưng vẫn duy trì sự độc lập khách quan của mình trong việc thực thi theo chức năng nhiệm vụ được giao.
- ✓ HĐQT và Ban điều hành luôn tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình, được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của công ty theo yêu cầu.
- ✓ Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và đóng góp ý kiến vào các nội dung cuộc họp, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- ✓ Ban kiểm soát đã phối hợp với cổ đông lớn là Vinalines trong việc hỗ trợ giải quyết khó khăn vướng mắc, có những đóng góp kịp thời đối với HĐQT và Ban điều hành trong công tác quản trị, điều hành công ty và đề phòng rủi ro.



Trong năm, Trường Ban kiểm soát và các thành viên thường xuyên trao đổi thông tin, công việc bằng email và điện thoại. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017:

- ✓ Thảo luận và thẩm định báo cáo tài chính năm 2017
- ✓ Đánh giá kết quả kiểm soát theo quy định
- ✓ Tổng kết kết quả hoạt động của Bsn kiểm soát trong năm 2017

Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, nhằm nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, đầu tư và đưa ra ý kiến kiến nghị trong quyền hạn, mang lại cái nhìn tổng quát và nâng cao chất lượng quản trị của Công ty. Cụ thể:

- ✓ Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng của công ty.
- ✓ Thực hiện công tác thẩm định báo cáo tài chính đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng thường niên năm 2018.
- ✓ Phối hợp với phòng kiểm toán nội bộ để kiểm tra và giám sát sự vận hành hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ
- ✓ Tiếp tục rà soát và kiến nghị những vấn đề bất thường trong hoạt động của Công ty.

Phương hướng hoạt động trong năm 2018

Bám sát các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm để có kế hoạch kiểm tra giám sát tình hình thực hiện theo các quy định hiện hành.

- ✓ Tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT, đóng góp ý kiến và hỗ trợ kịp thời các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- ✓ Giám sát việc thực hiện Điều lệ công ty, quá trình triển khai, việc thực hiện các nội dung của nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên các năm và cả nhiệm kỳ.
- ✓ Thẩm định, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực, minh bạch của công tác kế toán, thống kê, báo cáo tài chính tại các thời điểm.
- ✓ Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Ban Điều hành tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên.
- ✓ Xem xét sổ kế toán và các hồ sơ tài liệu khác của công ty, công tác quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo các quy định pháp luật hiện hành.





CÁC KHOẢN THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS

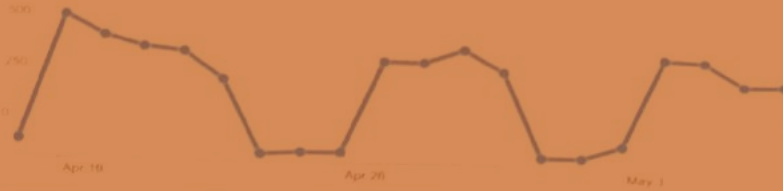
Thù lao trong năm 2017

Stt	Đơn vị / Chức danh	Thù lao (đồng)
1	Hội đồng quản trị	185.641.875
2	Ban kiểm soát	94.050.000
Tổng cộng		279.691.875

Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017:

- Mức duyệt chi tại Đại hội cổ đông năm 2017: 399.000.000 đồng
- Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2017: 279.691.875 đồng





Site Usage

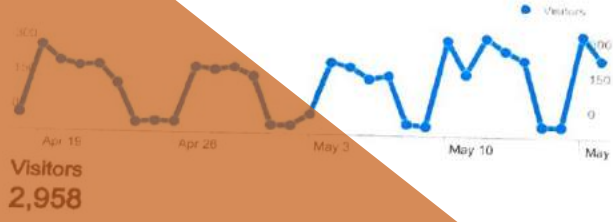


Traffic Sources Overview



- Direct Traffic**
3,097.00 (40.49%)
- Search Engines**
2,910.00 (38.04%)
- Referring Sites**
1,642.00 (21.47%)

Visitors Overview



Content Overview

- Pages
- /
 - /information-resou
 - /decisions
 - /information-privac
 - /information-privac

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Apr 18, 2010 - May 18, 2010



3.64% Bounce Rate





0:04:08 Avg. Time on Site

3.30% % New Visits



	Pageviews	% Pageviews
	5,932	23.33%
ources	1,306	5.14%
	867	3.41%
acy	697	2.74%
acy-guidelines	692	2.72%

Visits	Bounce Rate
	43.64%
	43.64% (10.00%)
	27.27%
	43.55%
	74.07%
	39.13%
	38.46%
	16.67%
	80.00%

-  **Bảng cân đối kế toán**
-  **Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
-  **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
-  **Thuyết minh báo cáo tài chính**

Google Analytics

Google Analytics

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428, Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 39 404 271/125 Fax: 028 39 404 711

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 6
Báo cáo kiểm toán độc lập	7 – 8
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017	9 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017	12 – 13
Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2017	14 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam, gọi tắt là “Công ty” đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2017.

Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ- BGTVT ngày 11/07/2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 05/02/2018 với mã số doanh nghiệp 0300448709.

Theo đó:

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Tên tiếng anh : VIETNAM SEA TRANSPORT AND CHARTERING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : VITRANSCHART JSC

Vốn đầu tư chủ sở hữu của Công ty là: **609.993.370.000 đồng**

(Bằng chữ: *Sáu trăm linh chín tỷ, chín trăm chín ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn*)

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 428, Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 39 404 271/125

Fax : 028 39 404 711

Website : <http://www.vitranschart.com.vn>

Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam hiện đang đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội (UPCOM) với mã cổ phiếu VST.

Khối lượng cổ phiếu : 60.999.337 cổ phiếu

Danh sách và các đơn vị trực thuộc

STT	Tên đơn vị	Thông tin về đơn vị trực thuộc
1.	CN Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng	Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
2.	CN Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC)	Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh

3. VP Đại diện tại Hà Nội Phòng 310, tầng 3, Tòa Nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội

Danh sách và địa chỉ Công ty liên kết:

1. Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC) Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ: 18.540.000.000 đồng
Tỷ lệ nắm giữ: 26,46%

Danh sách cổ đông góp vốn đến thời điểm 31/12/2017:

STT	Tên cổ đông	Loại (cổ phần)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Số tiền góp vốn (đồng)
1.	Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Phổ thông	35.400.000	58,03%	354.000.000.000
2.	Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	Phổ thông	2.000.000	3,28%	20.000.000.000
3.	Cổ đông khác	Phổ thông	23.599.337	38,69%	235.993.370.000
Tổng cộng			60.999.337	100%	609.993.370.000

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ

Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Căn hàng hóa liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)/.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị:

Ông Huỳnh Nam Anh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 02/06/2017
Ông Huỳnh Hồng Vũ	Nguyên Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/04/2013, miễn nhiệm ngày 02/06/2017
Ông Trương Đình Sơn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24/04/2013
Ông Bùi Mạnh Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/08/2015
Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2013
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2013

Ban kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 24/04/2013
Bà Nguyễn Thị Băng Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2013
Bà Hoàng Thị Thanh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24/04/2013

Ban Tổng Giám đốc:

Bà Phạm Thị Cẩm Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 01/09/2015
Ông Huỳnh Nam Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 09/05/2013, miễn nhiệm ngày 22/9/2017
Ông Đặng Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 20/05/2015
Bà Mai Thị Thu Vân	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ 09/05/2013

Người đại diện theo pháp luật:

Bà Phạm Thị Cẩm Hà là người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 09 đến trang 39.

Tại báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuận;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2017;
- Báo cáo tài chính đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Thay mặt và đại diện cho



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

PHẠM THỊ CẨM HÀ

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2018



Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Số: 47 /2018/BCKT/BCTC - CPAHANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính năm 2017 của
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam*

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam được lập ngày 17/03/2018, từ trang 09 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính ngày 31/12/2017, Công ty đã hạch toán thanh toán tiền lương cho cán bộ nhân viên và sỹ quan thuyền viên, số tiền là **28.982.034.546 đồng**. Trong đó:

+ Hạch toán thanh toán chuyển khoản qua Ngân hàng (Ngân hàng Maritimebank- CN Hồ Chí Minh, Ngân hàng Agribank, Ngân hàng BIDV- Hồ Chí Minh) theo chứng từ số 7200000166 ngày 29/12/2017 tại Văn phòng Công ty với số tiền là **17.463.430.000 đồng**.

+ Hạch toán thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng (Ngân hàng Maritimebank- CN Hồ Chí Minh) theo chứng từ số 01/TTĐC ngày 29/12/2017 tại Trung tâm Đào tạo môi giới và Xuất khẩu Thuyền viên phía Nam với số tiền là **11.518.604.546 đồng**.

Số tiền thực chi tại tài khoản của các ngân hàng (Ngân hàng Maritimebank- CN Hồ Chí Minh, Ngân hàng Agribank, Ngân hàng BIDV- Hồ Chí Minh) là **28.977.668.564 đồng**, đã được ngân hàng chấp nhận theo Ủy nhiệm chi các ngày (02/01/2018, 10/01/2018, 22/01/2018, 25/01/2018, 30/01/2018). Việc hạch toán như trên đã làm cho tổng tài sản trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 giảm **28.982.034.546 đồng**, tổng nguồn vốn cũng bị giảm đi một khoản tương ứng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đúng kỳ, tính hiện hữu của khoản mục này trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã thuyết minh tại Phần V, Mục 22, tại thời điểm 31/12/2017, Công ty có số lỗ lũy kế là 1.306 tỉ đồng, số lỗ này đã làm cho Vốn chủ sở hữu bị âm 681 tỷ đồng. Vấn đề này sẽ ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong các năm tài chính tiếp theo.

Báo cáo này được lập thành 06 bản bằng Tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội

Tổng Giám đốc

LÊ VĂN ĐỒ

Giấy CNDKHN số 0231-2018-016-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN MINH TUỆ

Giấy CNDKHN số 2726-2018-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.981.888.343	181.268.247.300
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	22.357.272.993	21.592.897.856
1. Tiền	111		22.357.272.993	21.592.897.856
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.500.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	2.500.000.000	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.353.546.346	86.229.504.109
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.03	20.076.235.078	37.158.303.893
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	29.727.992.587	29.558.247.343
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	26.488.643.341	21.436.489.732
5. Dự phòng phải thu NH khó đòi (*)	137	V.06	(1.939.324.660)	(1.923.536.859)
IV. Hàng tồn kho	140		42.554.165.056	41.066.495.212
1. Hàng tồn kho	141	V.07	42.554.165.056	41.066.495.212
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25.216.903.948	24.379.350.123
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	13.090.961.646	10.150.503.510
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.103.376.671	14.108.822.108
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	V.09	22.565.631	120.024.505
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.311.062.373.799	1.558.854.159.770
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		20.709.037.060	20.101.300.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	20.709.037.060	20.101.300.000
II. Tài sản cố định	220		1.040.764.093.348	1.291.677.499.611
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.040.606.697.568	1.290.608.506.355
- Nguyên giá	222		2.474.153.581.588	2.814.397.256.178
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.433.546.884.020)	(1.523.788.749.823)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	157.395.780	1.068.993.256
- Nguyên giá	228		8.011.141.315	8.011.141.315
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.853.745.535)	(6.942.148.059)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		625.985.288	6.518.769.985
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	625.985.288	6.518.769.985
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	5.235.196.243	6.246.143.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.906.000.000	4.906.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(1.670.803.757)	(659.857.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		243.728.061.860	234.310.447.174
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	24.025.718.078	14.608.103.392
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	219.702.343.782	219.702.343.782
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.478.044.262.142	1.740.122.407.070

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 39 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.159.082.996.081	2.207.656.651.626
I. Nợ ngắn hạn	310		342.626.741.587	360.746.316.910
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	111.931.856.425	104.743.619.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	3.291.050.326	350.441.614
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.09	211.724.423	267.878.284
4. Phải trả người lao động	314		30.114.515.585	30.859.670.012
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	33.918.110.703	26.629.948.726
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	3.071.695.452	26.749.652.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	35.314.708.039	40.829.910.086
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	122.366.888.830	127.794.282.144
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.406.191.804	2.520.914.664
II. Nợ dài hạn	330		1.816.456.254.494	1.846.910.334.716
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.21c	587.317.317.009	481.880.833.226
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	8.404.589.178	8.404.589.178
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	1.220.734.348.307	1.356.624.912.312
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(681.038.733.939)	(467.534.244.556)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	(681.038.733.939)	(467.534.244.556)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		609.993.370.000	589.993.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		609.993.370.000	589.993.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		88.258.000	88.258.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.662.314.492	9.662.314.492
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4.979.424.927	5.056.797.540
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.305.762.101.358)	(1.072.334.984.588)
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		(1.072.334.984.588)	(809.689.644.933)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(233.427.116.770)	(262.645.339.655)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.478.044.262.142	1.740.122.407.070

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Kim Phượng

Mai Thị Thu Vân

Phạm Thị Cẩm Hà

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 39 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1		2	3	4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	602.371.513.148	603.202.147.757
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9.119.839.295	9.388.027.820
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	593.251.673.853	593.814.119.937
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	715.813.887.655	753.767.997.505
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(122.562.213.802)	(159.953.877.568)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	4.771.544.045	12.464.186.608
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	124.814.544.362	146.659.623.172
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		122.147.875.198	126.676.991.765
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.7	4.911.049.946	4.592.489.359
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	27.705.912.453	39.304.938.482
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(275.222.176.518)	(338.046.741.973)
11.	Thu nhập khác	31	VI.9	90.477.504.678	13.687.823.596
12.	Chi phí khác	32	VI.10	48.705.010.561	3.332.599.429
13.	Lợi nhuận khác	40		41.772.494.117	10.355.224.167
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(233.449.682.401)	(327.691.517.806)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	(22.565.631)	22.565.631
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(65.068.743.782)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(233.427.116.770)	(262.645.339.655)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(3.949)	(4.452)

Người lập biểu



Lê Kim Phượng

Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Cẩm Hà

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 39 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm nay	Năm trước
1		2	3	4
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	(233.449.682.401)	(327.691.517.806)
2	Điều chỉnh cho các khoản		248.500.389.994	299.450.752.231
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	169.203.149.236	172.111.472.299
	- Các khoản dự phòng	03	1.026.734.558	3.499.067.535
	- Lãi, lỗ chênh lệch TGHD do ĐGL các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.714.529.819)	9.959.897.771
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(41.162.839.179)	(12.796.677.139)
	- Chi phí lãi vay	06	122.147.875.198	126.676.991.765
	- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3	Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	15.050.707.593	(28.240.765.575)
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	13.978.862.074	20.369.872.799
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.487.669.844)	15.170.322.550
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.692.182.009)	22.084.073.865
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(12.358.072.822)	30.622.146.454
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(948.361.207)	(936.878.208)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22.565.631)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	21.547.621.540	970.635.319
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.090.905.325	60.016.841.573
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, các TS dài hạn khác	21	(24.064.159.499)	(16.228.332.087)
2	Tiền thu từ th/lý, nhượng bán TSCĐ, các TS dài hạn khác	22	52.410.000.000	12.418.636.364
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.000.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.500.000.000	
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	246.294.431	402.521.973
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	34.092.134.932	(11.407.173.750)

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 39 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
III Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2 Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32	-	-
3 Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	(56.412.658.865)	(58.892.113.750)
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56.412.658.865)	(58.892.113.750)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	770.381.392	(10.282.445.927)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.592.897.856	31.826.359.451
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(6.006.255)	48.984.332
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	22.357.272.993	21.592.897.856

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Lê Kim Phượng

Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Cẩm Hà

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 39 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm 2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 2137/QĐ- BGTVT ngày 11/07/2007 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103008926 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 05/02/2018 với mã số doanh nghiệp 0300448709.

Theo đó:

Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam

Tên Tiếng Anh : VIETNAM SEA TRANSPORT AND CHARTERING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : VITRANSCHART JSC

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 609.993.370.000 đồng

(Sáu trăm linh chín tỷ, chín trăm chín mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng)

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 39 404 271/125

Fax : 028 39 404 711

Website : <http://www.vitranschart.com.vn>

Email : vtc-hcm@vitranschart.com.vn

Công ty hiện đang đăng ký chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, sàn giao dịch (Upcom) với mã cổ phiếu VST.

Khối lượng cổ phiếu : 60.999.337

Danh sách và địa chỉ các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Thông tin về đơn vị trực thuộc

1. CN Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng

Tòa nhà Savico, số 66 Võ Văn Tần, P. Chính Gián, Q. Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

Mã chi nhánh: 0300448709-006

2. CN Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam (SCC)

Số 36 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường ĐaKao, Q1, Tp. Hồ Chí Minh

Mã chi nhánh: 0300448709-003

3. VP Đại diện tại Hà Nội

Phòng 310, tầng 3, Tòa Nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, P. Mai Dịch, Q. Đống Đa, Hà Nội

Danh sách và địa chỉ công ty liên kết

<u>Tên công ty</u>	<u>Tổng vốn đầu tư (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Thông tin về công ty liên kết</u>
1. Công ty CP Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông (PDIMEX JSC)	4.906.000.000 <i>(tương ứng với 490.600 cổ phần)</i>	26,46%	Số 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, Tp Hồ Chí Minh Mã số doanh nghiệp: 0306291349
2. Lĩnh vực kinh doanh			Thương mại. Dịch vụ.
3. Ngành nghề kinh doanh:			<ul style="list-style-type: none"> - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển; - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; - Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ; - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế. Dịch vụ tiếp vận. Dịch vụ khai thuê hải quan. Cho thuê kho bãi, container. Dịch vụ đại lý tàu biển. Môi giới thuê tàu biển. Cán hàng hóa liên quan đến vận tải; - Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động; - Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu biển; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán phương tiện, thiết bị, phụ tùng ngành vận tải biển, vật tư, hóa chất, sơn phục vụ sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán nguyên vật liệu ngành xây dựng; - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu; - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)./
4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:			Ngắn hạn, từ khoảng 15 ngày tới 6 tháng.
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:			<ul style="list-style-type: none"> - Công ty đã bán tàu VTC Globe, trọng tải 23.726 DWT cho Công ty TNHH Vận tải biển Việt Thuận theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT ngày 8/11/2017 về việc phê duyệt bán tàu VTC Globe. - Công ty đã hoàn tất việc xử lý nợ vay của Ngân hàng Natixis tái cơ cấu nợ sang Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐTV ngày 21/7/2017 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam về việc phê duyệt Phương án tái cơ cấu tài chính tại CTCP Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Công ty đã thực hiện tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 02/06/2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/NQ-HĐQT ngày 03/08/2017 theo hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ. Theo đó, số cổ phiếu tăng trong năm là 2.000.000 cổ phiếu, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại Công văn số 7900/UBCK-QLCB ngày 21/11/2017.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Số liệu đã được trình bày và phân loại lại cho phù hợp Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản có liên quan.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 31/12/2017.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (Đồng).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- 1.1 Tỷ giá hối đoái sử dụng để hạch toán kế toán là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch tại Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.
- 1.2 Tỷ giá hối đoái sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ là tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- 2.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền
 - Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị các khoản này.
- 2.2 Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:
 - Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế.

Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

3.1 Chứng khoán kinh doanh: Không phát sinh

3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc.

3.3 Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc kể từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền".
 - Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
 - Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:
- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền".
 - Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
 - Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Thanh lý khoản đầu tư: Phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

4.1 Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

4.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- 5.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.
 - Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở tỉ lệ sản phẩm hoàn thành trong kỳ.
- 5.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ + Giá trị hàng tồn kho nhập trong kỳ - Giá trị hàng tồn kho xuất trong kỳ (Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền).
- 5.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.
- 5.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- 6.1 Nguyên tắc ghi nhận:
Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- 6.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và các văn bản liên quan do Nhà nước quy định.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh, bao gồm:
 - + Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
 - + Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
 - + Các khoản chi phí trả trước khác có phát sinh lớn mà theo xét đoán của ban lãnh đạo doanh nghiệp thì cần thiết được phân bổ cho nhiều kỳ kế toán.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thực tế nhận nợ tại thời điểm lập báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:
- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- 11.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- 11.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

12. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế được các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được hạch toán theo nguyên tắc chi phí phù hợp với doanh thu, bao gồm toàn bộ các chi phí tập hợp được để tạo thành doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,... phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...) phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	17.061.000	28.976.700
- Tiền gửi Ngân hàng	22.340.211.993	21.563.921.156
<i>Tiền Việt Nam</i>	1.523.109.921	8.347.190.417
<i>Ngoại tệ</i>	20.817.102.072	13.216.730.739
Cộng	22.357.272.993	21.592.897.856
2. Các khoản đầu tư tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chứng khoán kinh doanh	-	-
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.500.000.000	8.000.000.000
<i>b1. Ngắn hạn</i>	2.500.000.000	8.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (Ngân hàng BIDV)	2.500.000.000	8.000.000.000
<i>b2. Dài hạn</i>	-	-
Cộng	2.500.000.000	8.000.000.000
3. Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
a. <i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	20.076.235.078	37.158.303.893
- Phải thu của khách hàng nước ngoài	18.532.787.940	31.062.023.441
- Phải thu của khách hàng trong nước	1.543.447.138	6.096.280.452
b. <i>Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	-	-
Cộng	20.076.235.078	37.158.303.893
4. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhà cung cấp nước ngoài	29.049.588.013	26.712.111.888
- Nhà cung cấp trong nước	678.404.574	2.846.135.455
Cộng	29.727.992.587	29.558.247.343

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Phải thu khác		
<i>a. Ngắn hạn</i>	26.488.643.341	21.436.489.732
- Phải thu tạm ứng	8.359.495.716	6.775.369.906
- Ký quỹ	58.503.730	58.603.518
- Các khoản phải thu khác	18.070.643.895	14.602.516.308
<i>b. Dài hạn</i>	20.709.037.060	20.101.300.000
- Ký quỹ, ủy thác	20.709.037.060	20.101.300.000
Cộng	47.197.680.401	41.537.789.732
6. Dự phòng phải thu khó đòi		
<i>Tại Văn phòng Công ty:</i>	1.577.034.639	1.561.246.838
Công ty TNHH VTB Minh Nam (1)	810.464.637	810.464.637
ALIZE COMMODITIES (2)	713.944.000	713.944.000
Công ty CP VTB Thu Bồn (Nợ khó đòi chuyển từ Chi nhánh Quy Nhơn về Văn phòng Công ty theo dõi)	52.626.002	36.838.201
<i>Tại Trung tâm SCC:</i>	362.290.021	362.290.021
Công ty CP Công nghiệp tàu thủy Hải Dương	72.266.908	72.266.908
Công ty CP Hàng Hải Thiên An	164.122.591	164.122.591
Công ty CP VTB Thu Bồn	125.900.522	125.900.522
Cộng	1.939.324.660	1.923.536.859

(1) Khoản nợ của Công ty TNHH VTB Minh Nam đã quá hạn thu hồi, đã trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%, hiện doanh nghiệp không còn tại địa chỉ đăng ký kinh doanh.

(2) Khoản nợ của Alize Commodities - Paris đã quá hạn, chưa có thông tin nào thêm từ Tòa án thụ lý phá sản do đó đã trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.

	Số cuối năm	Số đầu năm
7. Hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu	31.491.074.446	27.161.213.235
- Công cụ, dụng cụ	11.063.090.610	13.769.281.977
- Thiết bị, phụ tùng	-	136.000.000
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	42.554.165.056	41.066.495.212
8. Chi phí trả trước		
<i>a. Chi phí trả trước ngắn hạn:</i>	13.090.961.646	10.150.503.510
Chi phí công cụ, dụng cụ	74.979.061	61.896.392
Chi phí bảo hiểm đội tàu, CNV, hòa hoạn	4.596.434.229	271.373.740
Chi phí phụ tùng, sửa chữa thường xuyên	8.196.030.600	9.479.453.194
Chi phí phân bổ khác	45.234.000	54.360.885
Chi phí trả trước ngắn hạn các chi nhánh	178.283.756	283.419.299
<i>b. Chi phí trả trước dài hạn:</i>	24.025.718.078	14.608.103.392
Sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	23.856.280.014	14.337.240.082
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.083.333	19.328.547
Chi phí chờ phân bổ khác	66.999.846	85.728.531
Chi phí trả trước dài hạn các chi nhánh	100.354.885	165.806.232
Tổng cộng	37.116.679.724	24.758.606.902

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 39 404 271/125 Fax: 028 39 404 711

Mẫu số B09-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

09. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	267.878.284	2.373.758.680	2.463.773.583	177.863.381
- Thuế GTGT hàng NK	-	103.028.637	103.028.637	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	61.315.701	61.315.701	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	-	(22.565.631)	-	(22.565.631)
- Thuế Thu nhập cá nhân	(120.024.505)	305.969.692	152.084.145	33.861.042
- Tiền thuế đất	-	154.440.300	154.440.300	-
- Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	147.853.779	2.980.947.379	2.939.642.366	189.158.792

(*) Số thuế 22.565.631 đồng được thuyết minh chi tiết tại Phần VI.11.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 39 404 271/125 Fax: 028 39 404 711

Mẫu số B09-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư tại ngày 01/01/2017	8.399.686.400	3.062.354.272	2.797.064.349.501	5.870.866.005	2.814.397.256.178
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		313.334.272	339.845.818.500	84.521.818	340.243.674.590
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	8.399.686.400	2.749.020.000	2.457.218.531.001	5.786.344.187	2.474.153.581.588
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2017	6.900.232.935	2.506.830.605	1.508.606.594.737	5.775.091.546	1.523.788.749.823
Khấu hao trong năm	493.128.853	173.638.000	167.579.558.933	45.225.974	168.291.551.760
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác	-	313.334.272	258.135.561.473	84.521.818	258.533.417.563
Số dư tại ngày 31/12/2017	7.393.361.788	2.367.134.333	1.418.050.592.197	5.735.795.702	1.433.546.884.020
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2017	1.499.453.465	555.523.667	1.288.457.754.764	95.774.459	1.290.608.506.355
Tại ngày 31/12/2017	1.006.324.612	381.885.667	1.039.167.938.804	50.548.485	1.040.606.697.568

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM
 Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 028 39 404 271/125 Fax: 028 39 404 711

Mẫu số B09-DN
Thuyết minh Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Số dư tại ngày 01/01/2017				8.011.141.315	8.011.141.315
Mua trong năm				-	-
Đầu tư XD CB hoàn thành				-	-
Tặng khác				-	-
Thanh lý, nhượng bán				-	-
Giảm khác				-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017				8.011.141.315	8.011.141.315
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2017				6.942.148.059	6.942.148.059
Khấu hao trong năm				911.597.476	911.597.476
Đầu tư XD CB hoàn thành				-	-
Tặng khác				-	-
Thanh lý, nhượng bán				-	-
Giảm khác				-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017				7.853.745.535	7.853.745.535
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2017	-	-	-	1.068.993.256	1.068.993.256
Tại ngày 31/12/2017	-	-	-	157.395.780	157.395.780

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Điện thoại: 028 39 404 271/125 Fax: 028 39 404 711

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		Số cuối năm	Số đầu năm
- Tập hợp chi phí XDCB 428 Nguyễn Tất Thành		625.985.288	625.985.288
- Sửa chữa lớn tài sản cố định		-	5.892.784.697
Cộng		625.985.288	6.518.769.985
13. Đầu tư tài chính dài hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
	Tỷ lệ nắm giữ		
a. Đầu tư vào công ty con		-	-
b. Đầu tư vào công ty liên doanh		4.906.000.000	4.906.000.000
- CT CP CƯDV Hàng hải và XNK Phương Đông	26,46%	4.906.000.000	4.906.000.000
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.670.803.757)	(659.857.000)
c. Đầu tư dài hạn khác		2.000.000.000	2.000.000.000
CT TNHH Lancaster Tân Thuận	10%	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng		5.235.196.243	6.246.143.000
14. Tài sản dài hạn khác		Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và là khoản tính thuế chưa sử dụng		219.702.343.782	219.702.343.782
Cộng		219.702.343.782	219.702.343.782
15. Phải trả người bán		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán trong nước		57.535.636.036	50.512.686.867
Phải trả người bán nước ngoài		54.396.220.389	54.230.932.513
Cộng		111.931.856.425	104.743.619.380
16. Người mua trả tiền trước		Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn nước ngoài		3.282.750.326	342.141.614
Người mua trả tiền trước ngắn hạn trong nước		8.300.000	8.300.000
Cộng		3.291.050.326	350.441.614

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Điện thoại: 028 39 404 271/125

Fax: 028 39 404 711

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

17. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
VTC - cảng phí nước ngoài	19.928.980.832	18.691.961.718
Tiền ăn của thuyền viên	4.599.934.095	3.956.906.560
Trích trước phân bổ CP SCL, khác	9.052.635.776	3.805.646.435
Trung tâm ĐT MG & XKTVPN (SCC)	336.560.000	175.434.013
Cộng	33.918.110.703	26.629.948.726
18. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu nhận trước	3.071.695.452	26.749.652.000
Cộng	3.071.695.452	26.749.652.000
19. Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Phải trả ngắn hạn khác</i>		
- Kinh phí công đoàn	636.813.035	7.609.994.033
- Bảo hiểm xã hội	7.521.437.961	5.610.962.749
- Bảo hiểm y tế	134.956.626	123.994.389
- Bảo hiểm thất nghiệp	89.148.346	114.520.213
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.932.352.071	27.370.438.702
Cộng	35.314.708.039	40.829.910.086
<i>b. Phải trả dài hạn khác</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả Công ty Đóng tàu Bạch Đằng tàu Phoenix	8.404.589.178	8.404.589.178
Cộng	8.404.589.178	8.404.589.178
20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ khen thưởng	1.633.926.805	1.618.429.665
- Quỹ phúc lợi	772.264.999	902.484.999
Cộng	2.406.191.804	2.520.914.664

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 39 404 271/125 Fax: 028 39 404 711

Mẫu số B09-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Vay và nợ thuế tài chính Chi phí phải trả dài hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
21.				
a.				
<i>Vay ngắn hạn (*)</i>				
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam (1)	122.366.888.830	122.366.888.830	127.794.282.144	127.794.282.144
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	107.032.802.337	107.032.802.337	108.814.103.702	108.814.103.702
	15.334.086.493	15.334.086.493	18.980.178.442	18.980.178.442
b.				
<i>Vay dài hạn</i>				
NH TMCP Hàng Hải Việt Nam (1)	1.220.734.348.307	1.220.734.348.307	1.356.624.912.312	1.356.624.912.312
- Trên 3 năm đến 5 năm	27.399.375.000	27.399.375.000	27.399.375.000	27.399.375.000
NH TMCP Á Châu (2)	439.331.315.572	439.331.315.572	440.013.109.140	440.013.109.140
- Trên 3 năm đến 5 năm	439.331.315.572	439.331.315.572	440.013.109.140	440.013.109.140
NH Phát triển Việt Nam - SGD II (3)	41.356.000.000	41.356.000.000	41.416.000.000	41.416.000.000
- Trên 3 năm đến 5 năm	41.356.000.000	41.356.000.000	41.416.000.000	41.416.000.000
NH Phát triển VN - CN Hải Phòng (4)	291.526.600.000	291.526.600.000	291.946.600.000	291.946.600.000
- Trên 3 năm đến 5 năm	291.526.600.000	291.526.600.000	291.946.600.000	291.946.600.000
NH TMCP Bảo Việt (5)	277.390.553.954	277.390.553.954	278.085.707.244	278.085.707.244
- Trên 3 năm đến 5 năm	277.390.553.954	277.390.553.954	278.085.707.244	278.085.707.244
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN TP.HCM (6)	81.704.888.781	81.704.888.781	107.049.666.928	107.049.666.928
- Trên 3 năm đến 5 năm	81.704.888.781	81.704.888.781	107.049.666.928	107.049.666.928

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 028 39 404 271/125 Fax: 028 39 404 711

Mẫu số B09-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây (7)	62.025.615.000	62.025.615.000	62.181.054.000	62.181.054.000
- Trên 3 năm đến 5 năm	62.025.615.000	62.025.615.000	62.181.054.000	62.181.054.000
Công ty mua bán nợ (DATC)	-	-	108.533.400.000	108.533.400.000
- Trên 3 năm đến 5 năm	-	-	108.533.400.000	108.533.400.000
Cộng	1.343.101.237.137	1.343.101.237.137	1.484.419.194.456	1.484.419.194.456

c.

Chi phí phải trả dài hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Lãi		Lãi	
Lãi vay dài hạn đã tạm trích, chưa phải trả	587.317.317.009		481.880.833.226	

Chi tiết Hợp đồng vay ngắn hạn:

1. Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB):

- Vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TPHCM : Hợp đồng tín dụng hạn mức số 176/2014/HĐTDHM-VTC ngày 15/07/2014.

2. Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

- Vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: Hợp đồng 529914/VPB-Vitranschart ngày 26/5/2014, hạn mức 32 tỷ.
 Phụ lục hợp đồng thể chấp PLHĐĐTC/02 ngày 26/5/2014, cầm cố bằng toàn bộ cổ phần của Cty Cổ phần Cung ứng dịch vụ hàng hải và XNK Phương Đông là 490.600 cổ phiếu theo Hợp đồng cầm cố số 1305400015/HĐĐTC/VPB02 ngày 22/3/2013.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 39 404 271/125 Fax: 028 39 404 711

Mẫu số B09-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chi tiết Hợp đồng vay dài hạn:

1. Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB):

- Vay dài hạn đồng VTC Phoenix : tài sản thế chấp là tàu VTC Phoenix, lãi suất vay là (lãi suất huy động 13 tháng + 3,2%/năm, thời hạn vay 8 năm từ năm 2008 đến năm 2015, được kéo dài thời gian vay đến tháng 7/2020.
- Phụ lục HĐTD số 89/07/07/HCM/PL 06 ngày 17/7/2013 sửa đổi Hợp đồng số 89/07/HCM ngày 02/01/2007.

2.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - CN TP. Hồ Chí Minh:

- Vay dài hạn mua tàu VTC Sun: Tài sản thế chấp là tàu VTC Sun, thời hạn vay 8 năm từ năm 2008 đến 2016, được kéo dài đến tháng 7/2021, lãi suất điều chỉnh sau khi cơ cấu nợ gốc: (lãi suất huy động 13 tháng + 4,5%/năm (thay đổi định kỳ 3 tháng/lần) và lãi suất sau thay đổi không thấp hơn 6%/năm.
- Vay dài hạn mua tàu VTC Planet: Tài sản thế chấp là tàu VTC Planet, lãi suất vay theo hợp đồng: (Lãi suất huy động 13 tháng + 3,5%/năm, thời hạn vay là 8 năm từ năm 2008 đến năm 2016, được kéo dài đến tháng 11/2021.
- Hợp đồng số 41222579/SĐBS-05 ngày 21/11/2012, Hợp đồng số 41222579/SĐBS-06 ngày 31/5/2013, Hợp đồng số 41222579/SĐBS-07 ngày 20/06/2013 sửa đổi HĐTD trung dài hạn số 41222579 ngày 28/5/2008 và Hợp đồng tín dụng hạn mức SGD.DN.01130312/MMLC.

2.2 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội:

- Vay dài hạn đồng tàu VTC Dragon: Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01261206/01TDN/SĐBS -4 ngày 25/5/2013 sửa đổi bổ sung HĐTD trung dài hạn số 01261206/01TDN ngày 21/1/2007.

3. Vay dài hạn Sở giao dịch 2 ngân hàng phát triển VN:

- Vay dài hạn đồng tàu Viễn Đông 5 : Tài sản thế chấp là tàu Viễn Đông 5, lãi suất vay là 6,6%/năm, thời hạn vay 12 năm từ năm 2005 đến năm 2017, được kéo dài thời gian vay đến tháng 8/2020.

4. Vay dài hạn Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hải Phòng:

- Vay dài hạn đồng tàu Viễn Đông 3 : Tài sản thế chấp là tàu Viễn Đông 3, lãi suất vay là 3%/năm, thời hạn vay 12 năm từ năm 2003 đến năm 2015, được kéo dài thời gian vay đến tháng 6/2018.



CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU BIỂN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 428 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 39 404 271/125 Fax: 028 39 404 711

Mẫu số B09-DN

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- *Vay dài hạn đồng tàu VTC Dragon : Tài sản thế chấp là tàu VTC Dragon, lãi suất vay là 6,6%/năm, thời hạn vay 12 năm từ năm 2005 đến 2017, được kéo dài thời gian vay đến tháng 11/2020.*
- *Vay dài hạn đồng tàu VTC Phoenix : Tài sản thế chấp là tàu VTC Phoenix, lãi suất vay là 7,8%/năm áp dụng cho khoản nợ gốc: 23,272 tỷ và 9%/năm áp dụng cho khoản nợ gốc: 114 tỷ, thời hạn vay 12 năm từ năm 2006 đến năm 2018, được kéo dài thời gian vay đến tháng 11/2021.*
- 5. **Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt - CN TP Hồ Chí Minh:**
 - *Vay dài hạn mua tàu VTC Glory : Tài sản thế chấp là tàu VTC Glory, lãi suất vay là lãi suất huy động 12 tháng + 3,5%/năm, thời hạn vay 8 năm từ năm 2010 đến 2018, được kéo dài thời gian vay đến tháng 6/2020.*
 - Phụ lục số 1007968.10.PL01.HĐTD.HCM ngày 21/6/2012.*
- 6. **Vay dài hạn NH Ngoại thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh:**
 - *Hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 02/11/2011 (đính kèm Hợp đồng tín dụng số 0800/KH/10NH) : Mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Lãi suất cho vay trong hạn theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Kỳ tính lãi vay hàng tháng từ ngày 26 tháng trước đến hết ngày 25 của tháng tiếp theo; Trả lãi vay phát sinh mỗi tháng 01 lần vào ngày 26.*
 - (*) Công ty đã chuyển khoản nợ vay ngắn hạn TMCP Ngoại thương VN - CN Tp. HCM thành khoản vay dài hạn do cho rằng khoản nợ vay này đã được Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Tp. HCM bán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam - VAMC.*
- 7. **Vay dài hạn NH Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây:**
 - *Vay dài hạn mua tàu VTC Ocean: Tài sản thế chấp là tàu VTC Ocean, lãi suất vay là lãi suất huy động 12 tháng + 2,5%/năm, thời hạn vay 7 năm từ năm 2009 đến 2016, được kéo dài thời gian vay đến 1/2018.*

22. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu
A- BẢNG ĐÓI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	589.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	4.934.983.765	(809.689.644.933)	(205.010.718.676)
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	570.000.000	-	570.000.000
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	262.645.339.655	262.645.339.655
- Giảm khác	-	-	-	448.186.225	-	448.186.225
2. Số dư cuối năm trước	589.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	5.056.797.540	(1.072.334.984.588)	(467.534.244.556)
3. Số dư đầu năm nay	589.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	5.056.797.540	(1.072.334.984.588)	(467.534.244.556)
- Tăng vốn trong năm	20.000.000.000	-	-	-	-	20.000.000.000
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	677.089.375	-	677.089.375
- Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	233.427.116.770	233.427.116.770
- Giảm khác	-	-	-	754.461.988	-	754.461.988
4. Số dư cuối năm	609.993.370.000	88.258.000	9.662.314.492	4.979.424.927	(1.305.762.101.358)	(681.038.733.939)

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ SH	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	58,03%	354.000.000.000	354.000.000.000
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	3,28%	20.000.000.000	-
Cổ đông khác	38,69%	235.993.370.000	235.993.370.000
Cộng	100,00%	609.993.370.000	589.993.370.000

C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	589.993.370.000	589.993.370.000
Vốn góp tăng trong năm	20.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	609.993.370.000	589.993.370.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

D. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.999.337	58.999.337
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	60.999.337	58.999.337
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.999.337	58.999.337
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.999.337	58.999.337
+ <i>Cổ phiếu phổ thông (*)</i>	60.999.337	58.999.337

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ 1 Cổ phiếu

(*) Tổng số lượng cổ phiếu Công ty được đăng ký giao dịch là 60.999.337 cổ phiếu, trong đó 2.000.000 cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ đang bị hạn chế chuyển nhượng đến ngày 15/11/2018 theo Thông báo số 67/TB-SGDHN của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 19/01/2018.

E. Các quỹ doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	9.662.314.492	9.662.314.492
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.979.424.927	5.056.797.540

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh

(ĐVT: đồng)

1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	14.316.369.705	14.876.730.804
Doanh thu cung cấp dịch vụ	587.922.543.443	587.685.037.921
Doanh thu hoạt động KD khác	132.600.000	640.379.032
Cộng	602.371.513.148	603.202.147.757
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán	9.119.839.295	9.388.027.820
Cộng	9.119.839.295	9.388.027.820
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	593.251.673.853	593.814.119.937

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

	Năm nay	Năm trước
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng hóa đã bán	14.123.783.036	14.727.232.497
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	701.127.598.279	738.538.273.682
Giá vốn của hoạt động KD khác	562.506.340	502.491.326
Cộng	715.813.887.655	753.767.997.505
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia	246.294.431	402.521.973
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.397.391.885	11.501.484.761
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ</i>	<i>1.640.478.427</i>	<i>3.873.293.130</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ</i>	<i>2.756.913.458</i>	<i>7.628.191.631</i>
Doanh thu hoạt động tài chính khác	127.857.729	560.179.874
Cộng	4.771.544.045	12.464.186.608
6. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	122.147.875.198	126.676.991.765
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.532.605.817	19.322.774.407
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ</i>	<i>1.490.219.730</i>	<i>1.596.890.913</i>
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ</i>	<i>42.386.087</i>	<i>17.725.883.494</i>
Chi phí tài chính khác	1.134.063.347	659.857.000
Cộng	124.814.544.362	146.659.623.172
7. Chi phí bán hàng		
Chi phí hoa hồng môi giới	4.911.049.946	4.592.489.359
Cộng	4.911.049.946	4.592.489.359
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	18.428.331.807	20.341.365.840
Chi phí vật liệu quản lý	195.467.855	197.107.712
Chi phí đồ dùng văn phòng	149.949.828	164.885.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.645.330.649	2.651.272.436
Thuế, phí và lệ phí	600.925.233	593.913.838
Chi phí dự phòng	15.787.801	48.295.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.214.153.374	2.366.350.462
Chi phí bằng tiền khác	4.455.965.906	12.941.747.427
Cộng	27.705.912.453	39.304.938.482
9. Thu nhập khác		
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	-	381.353.048
Thu nhập khác	90.477.504.678	13.306.470.548
<i>Thu nhập từ xóa nợ</i>	<i>90.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Thu nhập khác</i>	<i>477.504.678</i>	<i>13.306.470.548</i>
Cộng	90.477.504.678	13.687.823.596

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

10. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định	31.691.654.611	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	158.717.079	-
Chi phí khác	16.854.638.871	3.332.599.429
<i>Chi phí còn sót của TSCĐ đã nhượng bán</i>	<i>15.750.338.597</i>	<i>440.056.785</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>1.104.300.274</i>	<i>2.892.542.644</i>
Cộng	48.705.010.561	3.332.599.429
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(233.449.682.401)	(327.691.517.806)
- Điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	-	-
+ Điều chỉnh tăng	-	-
+ Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế (TN tính thuế từ HĐ chuyển nhượng BĐS của năm trước đó do năm 2016 được chuyển lỗ)	(112.828.156)	112.828.156
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Số điều chỉnh giảm thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN phải nộp	(22.565.631)	22.565.631
12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(233.427.116.770)	(262.645.339.655)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(233.427.116.770)	(262.645.339.655)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	59.103.447	58.999.337
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(3.949)	(4.452)
13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190.001.131.488	202.227.555.249
Chi phí nhân công	215.191.643.782	201.527.715.129
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.203.149.236	172.111.472.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.046.963.396	73.101.910.534
Chi phí khác bằng tiền	117.987.962.152	148.696.772.135
Cộng	748.430.850.054	797.665.425.346

VII. Báo cáo bộ phận**BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Cho năm 2017

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Đồng	Đồng	Đồng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	432.991.227.907	160.260.445.946	593.251.673.853
Chi phí bộ phận trực tiếp	569.845.140.104	145.968.747.551	715.813.887.655
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(136.853.912.197)	14.291.698.395	(122.562.213.802)
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.458.562.351.304	19.481.910.838	1.478.044.262.142
Tài sản không phân bổ	-	-	-
Tổng tài sản	1.458.562.351.304	19.481.910.838	1.478.044.262.142
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.142.645.747.594	16.437.248.487	2.159.082.996.081
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	2.142.645.747.594	16.437.248.487	2.159.082.996.081

Theo khu vực địa lý

	Quốc tế	Trong nước	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	Đồng	Đồng	Đồng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	417.428.175.881	175.823.497.972	593.251.673.853
Tài sản bộ phận	-	-	1.478.044.262.142
Nợ phải trả bộ phận	54.393.805.085	2.104.689.190.996	2.159.082.996.081

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VIII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính****1.1 Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa tối đa hoá lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ cộng (+) thặng dư vốn Cổ phần trừ (-) đi cổ phiếu quỹ.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền và tương đương tiền	22.357.272.993	22.357.272.993
Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	97.001.908.066	95.062.583.406

1.2 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty và các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

	Số dư tại 31/12/2017	Số dư tại 31/12/2016
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	1.343.101.237.137	1.966.300.027.682
Phải trả người bán	111.931.856.425	104.743.619.380
Phải trả khác	631.036.614.226	531.115.332.490

1.3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hoá từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hoá.

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017:

Đối tượng	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	111.931.856.425	-	111.931.856.425
Vay và nợ ngắn hạn	122.366.888.830	-	122.366.888.830
Vay và nợ dài hạn	-	1.220.734.348.307	1.220.734.348.307
Phải trả khác	622.632.025.048	8.404.589.178	631.036.614.226

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

1.4 Tài sản đảm bảo

- Đối với khoản vay ngắn hạn: Xem Thuyết minh số 21.
- Đối với khoản vay dài hạn: Xem Thuyết minh số 21.

1.5 Thông tin về các bên liên quan**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- CN Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam tại Tp Đà Nẵng	Chi nhánh công ty
- Trung tâm Đào tạo, môi giới và Xuất khẩu thuyền viên Phía Nam	Chi nhánh công ty
- Công ty CP Cung ứng DV hàng hải và XNK Phương Đông	Công ty liên doanh, liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
A. Mua hàng hóa, dịch vụ	9.679.290.375	12.356.958.355
- Trung tâm đào tạo, môi giới và XK thuyền viên Phía Nam	7.555.757.100	7.693.163.000
- Công ty CP Cung ứng DV hàng hải và XNK Phương Đông	2.123.533.275	4.663.795.355
B. Bán hàng hóa, dịch vụ	72.000.000	72.000.000
- Văn phòng Đại diện Hà Nội	72.000.000	72.000.000
C. Số dư Công nợ phải trả	4.740.668.240	-
- Công ty CP Cung ứng DV Hàng hải và XNK Phương Đông		
TK 131 PDIMEX/ 331 VTC	3.691.992.226	
TK 138 PDIMEX/ 338 VTC	1.048.676.014	

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có đảm bảo và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ

Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính Công ty, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Số liệu đã được trình bày và phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/BTC và các văn bản hướng dẫn liên quan.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

5. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
1. Bộ trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bộ trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	88,70%	89,58%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	11,30%	10,42%
1.2. Bộ trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	146,08%	126,87%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	-46,08%	-26,87%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	0,68	0,79
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0,49	0,50
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,36	0,39
3. Tỷ suất sinh lời	Năm nay	Năm trước
3.1. Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-39,35%	-55,18%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-39,35%	-44,23%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-15,79%	-18,83%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-15,79%	-15,09%

Người lập biểu



Lê Kim Phượng

Kế toán trưởng



Mai Thị Thu Vân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Cẩm Hà



Báo cáo thường niên năm 2017

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Cẩm Hà

